Đôi điều suy nghĩ của một công dân

Hà Sỹ Phu

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động
Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Mục lục

I
II
III
IV
V

Hà Sỹ Phu

Đôi điều suy nghĩ của một công dân

I

Những cách tiếp cận khác nhau để trả lời câu hỏi của thời đại

Sự sụp đổ của các thể chế xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô là sự sụp đổ của 2/3 số nước trong phe, của nơi quê hương, của nơi thành trì vững chắc nhất, của những điển hình xuất sắc mà ta đang phấn đấu để vươn tới, lại là sự sụp đổ sạch sành sanh không thể cứu vãn, là sự sụp đổ kéo theo tức khắc sự biến dạng của các nước còn lại. Vậy đấy là sự sụp đổ có tính cội nguồn, triệt để và toàn cục.

Vì thế một loạt câu hỏi tự nhiên cứ bật ra : Chủ nghĩa xã hội khoa học là gì?Biến cố kia là tất yếu không tránh khỏi hay do những thiếu sót có thể rút kinh nghiệm? Là khúc quanh thử thách để rồi lại phát triển mạnh hơn theo định hướng cũ hay đây là sự biểu hiện quyết định của sự cáo chung? Mấy nước còn lại, trong đó có nước ta sẽ đi về đâu và số phận nhân dân sẽ thế nào? Gia đình mình, cá nhân mình sẽ sống kiểu gì đây? Tiếp tục phó mặc đại sự cho những người lãnh đạo, mình là dân thì cứ sống theo, để rồi... đất nước vẫn tên là xã hội chủ nghĩa mà những kẻ kiếm bạc tỉ bằng cách mánh mung ngày càng nhan nhản, còn mình thì xin làm thuê không xong mà chẳng biết trách ai? Hay là rút kinh nghiệm, từ nay cứ sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi là xong? Các nước tư bản vẫn cứ tiếp tục đi theo ta lên chủ

nghĩa xã hôi như lý luận Mác -Lê đã khẳng định, hay ta đang học theo họ làm tư bản?Hay ta cũng sẽ sáng tạo ra một thứ xã hội chủ nghĩa kiểu Việt Nam ? Các nước XHCN ấy đổ là do họ làm sai Mác- Lê hơn ta hay làm đúng Mác -Lê hơn ta? Hay đây chính là lịch sử lại một lần nữa khẳng định đường lối đúng đắn của ta và sức sống vô địch của chủ nghĩa?v.v..
Những câu hỏi ấy người ta có thể tránh trả lời trước mặt người khác nhưng làm sao lại không tự đặt ra trong đầu? Và dù ta có tự dối mình mà tránh né sự trả lời của ý thức thì cái vô thức cũng tự nó đã trả lời và chi phối hành vi của ta rồi. Chứng cứ là cả nước nhất loạt không ai tiếp tục sống như trước.
Vậy nên tôi nghĩ rằng, là một người Việt Nam có giáo dục, có văn hoá, không ai có thể cho phép mình tảng lờ, dấm dúi trong xó kiếm ăn một mình, mà phải đứng ra giữa nơi sáng sủa, nghiêm túc nói rõ ý kiến của mình với sự huy động cao nhất của ý thức trách nhiệm và trí tuệ!
Nhưng sự suy nghĩ nên bắt đầu từ đâu? Tiếp cận vấn đề từ cửa mở nào? Đã có nhiều ý kiến đề cập đến vấn đề này nhưng tựu trung vẫn chỉ có hai con đường :đi từ thực tiễn đến lý luận hoặc từ lý luận đến thực tiễn, cuối cùng vẫn gặp nhau ở những điểm cốt lõi, bản chất. Những cách tiếp cận đa dạng khác nhau cũng chỉ khác nhau ở qui mô của cái lý luận hoặc thực tiễn ấy.
1. Đi từ thực tiễn, từ hiện tượng
Ghi nhận những sự kiện, những tình hình diễn biến của một xã hội, một giai đoạn lịch sử, một hệ thống thế giới... hoặc của nhiều xã hội, nhiều giai đoạn lịch sử, nhiều hệ thống thế

giới rồi so sánh, đánh giá, tìm cách giải thích rồi rút ra kết luận. Cách nhìn lưỡng phân (phe XHCN và phe TBCN ai thắng ai,...) cũng thuộc loại này, vì tình trạng hai phe cũng chỉ là hiện tượng nhất thời của lịch sử. Cách xét từng mặt, thống kê từng hiện tượng tuy có vẻ khách quan nhưng là phương pháp có độ tin cậy thấp vì dễ bị tình hình thời sự và cảm tính chủ quan làm cho thiên vị khi thống kê và nguỵ biện khi giải thích. Những mặt tốt xấu trong xã hội thường đan cài với nhau, một thể chế tốt nhất vẫn có những mặt xấu, một thể chế xấu nhất cũng vẫn có những mặt tốt. Nếu không có một nhận thức hệ thống thì nhiều khi không thể phân biệt đâu là mặt chính. Các hiện tượng ở mặt phụ có thể chính là mặt trái tất yếu buộc phải tạm chấp nhận, bởi không có một giải pháp xã hội nào hoàn hảo, nhưng mặt khác bên cạnh sự tốt xấu của thể chế còn có vai trò của truyền thống, vai trò của nhân dân và quốc tế.

Người có óc quan sát sắc sảo hơn thường không xem xét tình hình một cách tràn lan mà tập trung vào một số nhân tố có tính chất chỉ thị (indicateur). Ví dụ : Cứ xem tình hình tự do báo chí, tự do ngôn luận là biết mực độ của một nền dân chủ. Hiện tượng nhiều người xấu trở nên tốt là dấu hiệu của một thể chế tốt, nhiều người tốt trở nên xấu là dấu hiệu của một thể chế không tốt. Cứ thấy một người ngã, chục người tiếp bước thì đó là một phong trào đang lên, tìm mãi không thấy người kế tục thì đó là một phong trào đang xuống. Xem thái độ cởi mở tự nhiên hay dấu dấu diếm diếm thì biết là người tử tế hay kẻ gian phi. Nhất ngôn là người quân tử. Tiền hậu bất nhất là kẻ tiểu nhân. Khoan dung là sức mạnh

của người trong lòng thanh thản. Thái độ thù địch thường trực là thế yếu của kẻ mưu điều bất chính... Cách xem tướng bắt mạch này đối với con người cũng như xã hội là cách định hướng nhanh và sơ bộ, sau đó phải được phối kiểm bằng sự khảo sát kỹ lưỡng và tư duy hệ thống.

2. Đi từ nhận thức hệ thống, từ bản chất của quá trình

Đây là sự nhận thức vấn đề từ đầu mối của nó, từ những qui luật tổng quát đã được khoa học thừa nhận và phát triển. ở tầm khái quát nhỏ có thể xuất phát từ những qui luật mà tính bao trùm của nó chỉ trong một phạm vi hay một mặt hạn chế nào đó. Ví dụ như qui luật đấu tranh giai cấp trong xã hội có giai cấp, qui luật về sự phù hợp giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất, qui luật phát triển về quyền lực... Một cách hệ thống hơn nữa thì nhìn sự thay đổi toàn diện của xã hội trong sự phù hợp với các nền văn minh kế tiếp nhau của lịch sử (như văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh tin học...)Nhưng khái quát hơn cả là xuất phát từ những qui luật tổng quát về sự tiến hoá của nhân loại, từ bản chất con người và xã hội. Đây là cách tiếp cận khoa học nhất nhưng cũng khó nhất, chạm đến những quan điểm chi phối cả hệ thống tư duy. Chỉ bằng cách ấy mới có khả năng đạt tới những nhận thức chính xác, nhưng ở độ khái quát ấy thì sai một ly đi một dặm!

Việc tách bạch các phương pháp tiếp cận cũng giống như việc phân tích các động tác võ thuật cơ bản, khi ứng dụng tất nhiên phải phối hợp linh hoạt, không thể cứng nhắc nhưng quán xuyến cả quá trình nhận thức phải là tư duy hệ thống.

*

Xuất phát từ những phân tích thực tiễn sâu sắc, và với một năng lực khái quát rất cao, Marx đã dựng nên một lý thuyết tương đối hệ thống, rồi đem nó trở về với thực tiễn và dùng thực tiễn để điều chỉnh lại nhiều lần. Marx và Lenine vừa là những bộ óc lớn vừa là những chiến sĩ và nhà tổ chức đại tài. Về mặt cá nhân những con người cụ thể dễ gì đã có người nào vượt qua!

Nhưng sức vóc một con người dù vĩ đại đến đâu cũng không thấm gì so với sức vóc một thời đại. Bên cạnh những phát hiện lớn lao, sự hạn chế của trí thức con người thời ấy đã để lại trong học thuyết của các ông những khiếm khuyết không phải không căn bản. Điều trớ trêu nhất của lịch sử là chính nhà triết học duy vật biện chứng và chống chủ nghĩa không tưởng lại trở thành nhà xã hội học duy tâm, siêu hình và không tưởng rất điển hình. Những kẽ hở ấy của học thuyết không phải không có những người nhận ra ngay từ đầu, và cũng nguy hiểm hơn là cũng ngay từ đầu, nó bị cái mặt bản chất thiện của con người lợi dụng, khai thác triệt để cho những lợi ích và sự nghiệp cá nhân. Thế là xuất phát điểm là tập thể mà lại thu được sản phẩm cá nhân cực đoan. Xuất phát từ đạo đức mà lại thu được sản phẩm phi đạo đức, chứ không phải như sự ngộ nhận của nhiều người, rằng tình trạng phi đạo đức là do ta tôn thờ một chủ nghĩa xã hội khoa học , quá đề cao lý trí nên hại đến cái tâm đâu!Vấn đề là chủ nghĩa xã hội khoa học còn thiếu khoa học , nhận thức chưa đúng qui luật, do làm sai qui luật nên kết quả mới lộn ngược so với khát vọng.

ở những năm cuối cùng của thế kỷ này, một đầu óc bình thường cũng có thể được thời đại chỉ cho để nhìn thấy sự thiếu cơ sở khoa học của học thuyết đó. Những điều như thế chỉ có thể vạch ra rõ ràng bằng tư duy hệ thống triệt để, mà ở một chừng mực nhất định tôi hy vọng có thể gợi ra được những phần viết sau đây.

Hà Sỹ Phu

Đôi điều suy nghĩ của một công dân

II

Suy nghĩ về bản chất con người
và xã hội

1. Con người

Khác với con vật, con người có sự tự nhận thức về mình, về sự tồn tại của mình

Điển hình cho cái nhìn con người một cách tự nhiên, đơn giản là quan niệm con người của học thuyết Khổng -Mạnh, coi con người là đơn vị cơ bản cấu tạo nên gia đình, nhiều gia đình cộng lại thành quốc gia, nhiều quốc gia cộng lại thành thế giới. Trong chuỗi tổ chức ấy con người là những cá nhân, với tư cách là những đơn vị tự thân hoàn chỉnh, chiếm vị trí gốc rồi toả ra xã hội. Thân có tu thì gia mới tề , gia có tề thì quốc mới trị, quốc có trị thì thiên hạ mới bình được!(lô gích này ta cũng gặp lại trong câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh:muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì trước hết phải có những con người xã hội chủ nghĩa!)ấy là những con người nông nghiệp , con người của cái tâm. Cái trí còn rất sơ khai, còn cái lợi của cá nhân thì bị nén lại. Ngay khi hình thành quan niệm này về con người đã gặp bế tắc. Tu thân đến như đức thánh Khổng, đạo đức đến như đức thánh Khổng mà không được nước nào dùng, các quốc đều bất trị , thiên hạ thì bất bình , bởi mô hình con người đạo đức (homo ethicus) chỉ là con người của qui mô gia đình, làng xóm. Một người

hướng về hành động như Khổng Tử mà quan niệm này của ông thì thật là không tưởng. Bệnh xã hội chủ nghĩa không tưởng của nhân loại có thể đã âm ỉ từ trước công nguyên. Chủ thuyết là đức trị, nói dân là quí, rồi mới đến xã tắc, còn vua thì xem nhẹ mà trong thực tế thì thang giá trị luôn lộn ngược trở lại. Nền đức trị chỉ thịnh vượng khi có một minh quân độc tôn. Nhưng bất kể triều đại nào quân cũng chỉ minh được lúc đầu, sau thế nào cũng thoái hoá biến chất. Chỉ có đám lê dân là ngoan ngoãn tu thân , còn những kẻ thống trị thì chẳng thấy ông vua nào theo được Nghiêu Thuấn cả!Dân bao giờ cũng ham mê cái lợi và tôn thờ cái tâm, nhưng thấp cơ thua trí kẻ thống trị. Các vị vua chúa đều hiểu rõ ba yếu tố ở con người, nên muốn khống chế phần con thì dùng cái lợi, muốn khống chế phần người thì dùng cái tâm và rất ngại nâng cao dân trí. Cứ như vậy con người đạo đức bị chế độ phong kiến và nông nghiệp giam hãm hàng chục thế kỷ.

Khi CNTB hình thành, quan hệ sản xuất công nghiệp làm cho nhận thức về con người rung chuyển tận gốc. Một mặt, tính cá nhân của con người phát triển mạnh, nhất là con người của cái lợi, nhưng mặt khác sự ràng buộc của các cá nhân trong guồng máysản xuất và tiêu thụ của xã hội cũng ngày càng chặt chẽ. Thế là con người nông nghiệp , con người cá nhân của chế độ phong kiến bị giằng xé mãnh liệt theo hai chiều ngược nhau, chiều cá nhân và chiều xã hội. Kết quả là đến thế kỷ 19 đã bùng ra hai xu hướng ngược hẳn nhau về nhận thức bản chất con người : con người của phái Mác xít và con người của phái hiện sinh.

* Nhận thức về con người của phái Mác Xít

Ưu điểm nổi bật của trường phái này là phát hiện ra tính xã hội của con người . Quan hệ của xã hội với cá nhân không phải là quan hệ của số tổng và các số bị cộng mà là quan hệ điều khiển, chi phối :xã hội quyết định con người. Tiếc rằng Marx đã cường điệu tính xã hội này đến mức cho nó choán toàn bộ nội dung con người , coi con người chỉ là tập hợp (ensemble) của các quan hệ xã hội (1). Khi đã định nghĩa con người như vậy thì nếu rút hết phần xã hội ấy đi, con người chỉ còn là con số zero, là hư vô!Vậy là duy tâm, siêu hình và phi lý!

Song quan điểm cực đoan này không dừng ở đó. Con người đã không còn thuộc tính cá nhân , chỉ còn thuộc tính xã hội, nhưng xã hội theo quan niệm của Mác chỉ là những cuộc đấu tranh liên tiếp. Ông nói : Lịch sử tất cả các xã hội cho đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp! (2). Qui tất cả mọi hoạt động xã hội của con người thành hoạt động đấu tranh giai cấp thì nội dung con người cũng chỉ thu vào trong nội dung giai cấp, có bản chất là con người giai cấp. Nhận thức này về con người là cơ sở để thiết lập nên chủ nghĩa duy vật lịch sử, là cơ sở để hoạch định chương trình cách mạng vô sản và xây dựng CNXH. Trong các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác Lênin, phần lớn nội dung là dành cho vấn đề đấu tranh giai cấp, vấn đề con người chỉ được nói tới một cách sơ lược. Sau này ông Trần Đức Thảo có thuyết minh vấn đề này bằng quan điểm rằng :con người có hai bản chất : con người giai cấp là bản chất hàng một, con người nói chung là bản chất hàng hai. (3)

Việc tập trung tinh lực của con người vào cuộc giành giật giai cấp, bỏ quên cả một thế giới phong phú nằm trong cá nhân và không chấp nhận có những mặt của xã hội nằm ngoài giai cấp đã làm cho con người trở nên nghèo nàn một cách đáng sợ!

Học thuyết Khổng Tử lấy cá nhân làm gốc, học thuyết Mác lấy xã hội làm gốc, nhưng gặp nhau ở một yếu tố chung là đạo đức (những nhà lý luận Mác -Xít không thừa nhận điều này). Nếu Khổng Tử lấy việc tu thân làm gốc để toả ra làm tốt xã hội, thì Mác lấy việc tu xã hội (làm cách mạng để thay đổi quan hệ sản xuất)để mở đường cho việc làm tốt cá nhân. Chỗ giống nhau ấy là do đều xuất phát từ tinh thần nhân văn cổ điển , coi con người là tính bản thiện, chỉ cần diệt điều ác (tu thân)hoặc diệt cơ chế cá (đánh đổ CNTB)là con người hoặc xã hội sẽ trở nên thiện. Điểm giống nhau ở tất cả các trường phái nhân văn cổ điển là cần một đấng tối cao tiêu biểu cho cái thiện và toàn xã hội chỉ được hướng vào đấng tối cao và chí thiện ấy thôi. Xã hội bình trị của Khổng Tử sẽ được thực hiện nếu như có một minh quân biết đặt dân cao hơn xã tắc, xã tắc cao hơn ngôi vua. Xã hội ưu việt của Mác cũng sẽ được thực hiện nếu có một đảng tiên phong chỉ biết lấy lợi ích xã hội làm lẽ sống, ngoài ra không còn một lợi ích riêng nào khác!(và sau khi dành được quyền lực nó lại chủ động tổ chức xã hội sao cho quyền lực ấy có thể tiêu vong dần đi!). Một đấng tối cao lý tưởng như thế lúc nào cũng có mà lúc nào cũng không có. Có, vì nó đã được trời hoặc lịch sử trao sứ mệnh rồi, dân chẳng phải đi tìm, mà cũng chẳng có quyền bầu chọn!Không có, vì giữa cõi trần

tục này kiếm đâu ra một thực thể lý tưởng phi lý như thế?
Mác cũng như Khổng Tử đều không hiểu rõ con người, đều mất cảnh giác trước mặt trái của con người, nằm sẵn trong con người từ bản năng xa xưa, từ cõi vô thức của nó. Quan niệm nhân văn cổ điển ấy nhân đạo nhưng siêu hình, phi biện chứng và cũng không duy vật nên dầu có được bổ sung bằng hàng trăm giải pháp thực tế và dân chủ nó vẫn không thoát ra khỏi cái vòng ảo tưởng và độc tôn, độc đoán. Xã hội đi từ cái tâm thì không tới được cái tâm. Trải qua hàng triệu năm đau khổ con người mới nhận ra và buộc phải chấp nhận cái nghịch lý khó hiểu và khó chịu đó.
Khi bàn về con người của phái Mác -Xít tôi không thể không liên hệ đến con người của phái Khổng Mạnh mặc dù có thể Mác không hề đọc Khổng Tử. Trí tuệ luôn là cái chung của nhân loại, nó phản ảnh những giai đoạn tất yếu của lịch sử tư tưởng nhân loại. Hai học thuyết về con người ấy vừa có chỗ giống nhau như in, vừa có chỗ ngược nhau, tương tự như phép biện chứng của Mác Ăngghen so với phép biện chứng Hegel vậy. Có thể nói Mác đã công nghiệp hoá con người cá nhân đạo đức , nông nghiệp của đạo Khổng để nó trở thành con người xã hội và con người kinh tế (homo economicus) trên cái nền chung nhân văn cổ điển .
Nhưng, như đã phân tích ở trên, theo quan niệm của Mác thì tính xã hội của con người là yếu tố quán xuyến, quyết định. Khi con người đã là con người xã hội thì yếu tố kinh tế của con người cũng phải mang tính xã hội, do đó tư liệu sản xuất của con người cũng phải xã hội hoá , điều này mâu thuẫn với sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất của chủ nghĩa tư bản,

cho nên phải phá bỏ chính chủ nghĩa tư bản để thực hiện sự công hữu hoá về tư liệu sản xuất.
Đến đây ta thấy xuất hiện những vướng mắc về logich :
-Mâu thuẫn giữa tính xã hội của sức sản xuất (trong đó có con người) và tính tư nhân của sự chiếm hữu là mâu thuẫn xuất hiện ngay từ đầu của CNTB, ngay từ đầu đã khôngcó sự phù hợp giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất thì CNTB phát triển sao được đến như ngày nay? Theo Mác thì mỗi phương thức sản xuất trong lịch sử đều phải có một giai đoạn hoàng kim trong đó có sự phù hợp giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất. Vậy CNTB không có giai đoạn này sao? Vai trò của CNTB nằm ở quãng nào?
-Có thực mâu thuẫn giữa tính xã hội và tính tư hữu là mâu thuẫn loại trừ nhau không? Việc xác nhận mâu thuẫn này có trái ngược gì với luận điểm cũng của Mác về sự chín muồi và tan rã đồng loạt của CNTB trên toàn thế giới không?
*Nhận thức về con người của phái hiện sinh
Hiện sinh không phải là một phái thuần nhất, nhưng thống nhất trong xu hướng khám phá con người cá nhân , và với hướng này nó đối lập với tất cả các môn phái triết học và tôn giáo trước nó và cùng thời với nó.
Triết học và tôn giáo xưa nay đều đặt cá nhân con người bên cạnh những cá nhân khác, với mối quan hệ qua lại và trong trường tác động của các nguồn sức mạnh khác nhau như thần quyền, đức tín, lý trí, qui luật, đạo đức, lý tưởng... nghĩa là có những điểm tựa cho con người và không thể có tự do hoàn toàn cá nhân.
Thoát khỏi bao nhiêu trói buộc hà khắc con người mới đạt tới

độ tự do như con người của xã hội công nghiệp, lúc ấy con người cá nhân mới có điều kiện và mới dám nhìn vào bản thân mình, thấy mình hiện hữu và có quyền chỉ huy con người mình. Nhưng trong khoảnh khắc lịch sử cởi trói thiêng liêng ấy, cơn phấn khích đã làm cho một bộ phận xã hội đi quá đà, ngỡ mình đã được thả hoàn toàn tự do. Chủ nghĩa hiện sinh là tuyên ngôn của con người cá nhân, là một cuộc khởi nghĩa thất bại , nó còn ấu trĩ nhưng thiết tưởng chẳng nên ruồng bỏ, mà chỉ nên thương cho số phận con người (cũng như CN Mác -Lênin là tuyên ngôn của con người xã hội!). Sự đối địch giữa hai thái cực của nhận thức là điều dễ hiểu.

Theo quan niệm hiện sinh, con người chỉ tồn tại đúng như nó đang hiện hữu, như một thực thể đơn độc riêng biệt bị vứt vào trong vũ trụ, nó tự chiêm nghiệm, tự hành động theo cá tính riêng của nó, rồi chết. Trong trạng thái tự do không có điểm tựa ấy nó thấy mình hoàn toàn có quyền chủ động lựa chọn con đường anh hùng hay hèn nhát, là con thú hay siêu nhân, hoặc thờ ơ vô cảm hoặc chán chường buồn nôn .

Một bên tự do đến mức chẳng thấy xã hội đâu cả, một bên lại ràng buộc đến mức chẳng thấy cá nhân đâu cả. Nói con người là sự tập hợp tất cả những mối quan hệ xã hội thì có nghĩa là mọi ý nghĩ và hành động của cá nhân đều bị qui định bởi xã hội (xã hội có giai cấp thì sự qui định là do giai cấp!)không còn có chỗ cho tự do cá nhân, tự do chỉ còn nghĩa là tự giác làm theo qui luật, và trong bối cảnh các quan hệ xã hội như nhau, không có cá tính, như những đinh ốc trong một cỗ máy của công nghiệp.

Một bên là sự lên tiếng của lý trí, ý thức, còn một bên là sự lên tiếng của bản năng, tiềm thức, vô thức, siêu thức.
Một bên muốn liên kết mọi người thành một tổ chức để làm một cuộc cách mạng cho ngày mai, một bên lại rũ tung những con người ra thành một thế phân tán vô tổ chức, vô mục đích, chỉ biết có hiện tại.
Đó là mâu thuẫn giữa người đang nhóm lửavà kẻ phá hoại vẩy nước lạnh vào.
*
Nhưng đối với chủ nghĩa tư bản thì cả hai con người ấy đều là kẻ phá hoại.
Chủ nghĩa tư bản bắt đầu phát triển đòi hỏi có một khái niệm con người tương ứng với thời đại của nó.
Chủ nghĩa Mác trả lời :Trong xã hội công nghiệp con người phải là con người xã hội , nó mâu thuẫn với chủ nghĩa tư bản nên phải phá bỏ chính chủ nghĩa tư bản đi!(Đây mới thật là gáo nước lạnh đổ vào chủ nghĩa tư bản!)
Chủ nghĩa hiện sinh trả lời : con người bao giờ cũng là con người cá nhân !Mặc xác cái xã hội vô nghĩa của các anh!tôi làm việc của tôi!
Cả hai câu trả lời đều negatif, chẳng câu nào ủng hộ chủ nghĩa tư bản cả!Vậy mà chủ nghĩa tư bản không bế tắc, không chết mà phát triển đến ngày nay, và phát triển như ngày nay!(Thực tế này không hề chứng minh cho quan điểm rằng chủ nghĩa tư bản là hoàn hảo, bất biến và vĩnh hằng!). Bởi vì sao?Bởi lịch sử không chờ các nhà lý luận cho phép hay không cho phép nó. Ghép hai câu trả lời negatif nói trên đã thành một câu trả lời positif cho lịch sử. Con người vừa là

con người xã hội vừa là con người cá nhân, hai tính cách đó không những không loại trừ nhau mà còn là điều kiện của nhau. Muốn xây dựng một xã hội đầy tính xã hội như Mác mong muốn (và như các nước tư bản tiền tiến đang đi tới)hoàn toàn không cần phá bỏ tính cá nhân và tính tư nhân. Con đường xã hội hoá không phải là con đường xoá tư nhân mà là liên hệ các tư nhân một cách xã hội!Sự liên hệ đó gồm hàng trăm mối liên hệ đa dạng phức tạp, trực tiếp và gián tiếp, hữu hình và vô hình, và hình thành dần dần, tương ứng với trình độ khoa học của nền sản xuất. Chủ trương gom vào hợp tác. lấy qui mô hợp tác xã làm thước để đo tính xã hội là hiện thân của một ý niệm xã hội hoá còn sơ khai, cơ giới, thô thiển, phản qui luật chứ không phải chỉ là sự nóng vội. Một khi đã là điều kiện của nhau thì sự thủ tiêu sở hữu tư nhân chính là thủ tiêu khả năng xây dựng chủ nghĩa xã hội.

* * *

Con người và sở hữu

Không thể hiểu hết con người nếu không hiểu vấn đề sở hữu. Khác hẳn với con vật, nội dung con người chỉ xuất hiện khi xuất hiện sự khẳng định cá nhân. Đó là một trong những khác nhau căn bản giữa xã hội và bầy đàn. Cơ sở vật chất của sự tồn tại con người cá nhân là sở hữu cá nhân và sở hữu tư nhân. Đây là điều kiện tối thiểu để nó có thể tự nuôi sống mình và độc lập tương đối trong cộng đồng. Cũng trên cơ sở đó mà nảy nở thành nhân quyền, dân quyền. Nếu rút cái nền vật chất ấy đi mà còn đề cập đến cá nhân, đến con người, đến nhân quyền, dân quyền... thì đích thực là người

duy tâm thứ thiệt rồi chứ còn gì nữa?
Phạm trù sở hữu bao gồm hai bộ phận :cái có và cái quyền. Có là thực trạng sở hữu đối với các tư liệu sản xuất và tư liệu tiêu dùng cụ thể, tiền và vàng cũng thuộc bộ phận này. Quyền biểu thị khả năng của cái có tất yếu sẽ chuyển thành hiện thực trong những điều kiện xác định. Quyền lực chính trị, quyền lực quân sự... thuộc bộ phận này của sở hữu. Đối với dân chúng thì quyền có thể được bảo đảm bằng pháp luật, nhưng mức độ bảo đảm này tuỳ thuộc vào nền pháp trị của nước đó.
Hai bộ phận này của sở hữu có thể chuyển đổi tương hỗ và tác động vào nhau theo quan hệ tương sinh. Sự chiếm hữu tư liệu sản xuất có thể tạo ra quyền lực rồi quyền lực lại làm gia tăng sự chiếm hữu tư liệu sản xuất, bởi thế mối liên kết giữa tiền và quyền luôn là mối nguy hiểm nhất đối với công bằng xã hội. Muốn chống lại chỉ có cách trung lập hoá và luân phiên đối với quyền lực, nếu không thì luật pháp cũng chỉ là hình thức.
Mác thật có lý khi truy sự bất công tới tận hang ổ của nó là sự chiếm hữu, nhưng hang ổ đó có hai buồng thông với nhau thì ông lại chỉ xử lý có một. Mác chỉ thực hiện sự chia đối với tiền (tức tư liệu sản xuất)mà không chia quyền. Đấy là một điều mất cảnh giác. điều thứ hai, tiền sau khi chia lại đem tập trung lại thành một cục, tức là thủ tiêu thành quả vừa đạt được, thủ tiêu mất chính cái hồn của sự công bằng. Thử hỏi cái gì ngăn không cho cái quyền lực tập trung kia chiếm lĩnh lại cái tiền? Quyền đem tập trung lại, tiền cũng đem tập trung lại, trao hết tiền cho quyền, với niềm tin sắt đá rằng

tiền sẽ được sử dụng công bằng!Chắc chỉ có mẹ với các con trong gia đình thì may ra điều ấy mới thực hiện được.
Mác đã sử lý rất không công bằng đối với hai bộ phận của sự chiếm hữu. ở mặt chiếm hữu tư liệu sản xuất thì Mác đã quá nghiêm khắc, đáng lẽ chỉ nên chống sự tập trung tư liệu sản xuất quá lớn thì ông chủ trương xoá bỏ mọi sở hữu tư nhân, làm mất đi cái động lực tự nhiên của đời sống. Với quyền lực xã hội thì ông lại quá nuông chiều, cho nó quyền chuyên chính với hy vọng rằng trong một tương lai xa xôi nó sẽ tự tiêu vong. Chiếm hữu quyền lực mới là sự chiếm hữu triệt để nhất!Điều đó nhân loại đã có thừa bài học, còn một thứ quyền lực tự tiêu vong thì suốt lịch sử hàng triệu năm chưa ló ra một tín hiệu nào dể dự đoán nó cả!
Tóm lại! khái niệm con người không thể tách rời khỏi sự sở hữu. Sự sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất vừa là cơ sở vật chất để duy trì sự công bằng vừa là nguy cơ gây sự mất công bằng, đó là hai mặt biện chứng của sở hữu. Sợ nguy cơ phân hoá , sợ qui luật thực tế ấy để rồi chọn một qui luật chỉ hình thành trong ý tưởng, trong đó sự sở hữu (lúc này đã là sở hữu tập thể)chỉ có mặt tích cực, không còn mặt tiêu cực thì rõ ràng vừa duy tâm vừa không biện chứng.
2. Xã hội
a. xã hội là một hệ thống phân cực, không phân tầng
Người là một sinh vật xã hội, tính có tổ chức là một thuộc tính tự nhiên của xã hội nên đương nhiên có bộ phận lãnh đạo và bị lãnh đạo, có thống trị và bị trị. Chức năng thống trị đòi hỏi cực thống trị những thuộc tính khác hẳn cực bị trị. Trước hết nó là kẻ thắng trong một cuộc đấu tranh giành

quyền lực, có năng lực tổ chức và có khả năng đưa cả cộng đồng phát triển trong sự cạnh tranh với các cộng đồng khác. Khi xã hội cân bằng, cái trí của xã hội tập trung ở cực này. Ngoài sức mạnh của cái trí nó còn sức mạnh của quyền lực và bạo lực để duy trì sự ổn định của cộng đồng mà nó thống lĩnh, đáp ứng nhu cầu chung của cộng đồng. Mặt khác, những người ở cực thống trị cũng là những con người cụ thể như nghìn vạn người khác, nên họ không thể không có ham muốn xử dụng tất cả sức mạnh nói trên để mưu lợi ích riêng cho bản thân. Họ không thể không có những ham muốn xử dụng mối quan hệ tương sinh giữa sự chiếm hữu quyền lực và chiếm hữu tư liệu sản xuất và cuối cùng trở thành những kẻ chiếm hữu lớn nhất và hưởng thụ lớn nhất, trở thành giai cấp thống trị đối lập với giai cấp bị trị. Tính hai mặt ấy là chung cho mọi nhà nước, xã hội càng dân chủ thì càng nâng cao được mặt chung và hạn chế được mặt riêng của nhà nước (chủ nghĩa Mác coi nhà nước chỉ là sản phẩm của mâu thuẫn giai cấp không thể điều hoà , chỉ là công cụ bóc lột của giai cấp thống trị (4)là chỉ nhìn thấy một mặt).

Cực bị trị gồm những người sản xuất ra của cải nhưng bị thiệt thòi trong sự ăn chia, lại là số đông, khát vọng của họ trở thành khát vọng của con người nói chung trong xã hội. Vì thế cái tâm tập trung ở cực này (5).

Sự chênh lệch về mọi mặt đó tạo nên một thế hiệu giữa hai cực, mọi cá nhân trong xã hội giống như những điện tử chuyển động qua lại giữa hai cực đó. Các cá nhân có thể chỉ chuyển động trong khoảng trung gian cũng có thể chuyển hẳn từ cực này sang cực kia, nhưng nhìn cả hệ thống thì lúc

nào cũng tồn tại hai cực đối lập. Chỉ ở hai cực thì sự liên kết giữa các cá nhân mới chặt chẽ đến mức thành một giai cấp hẳn hoi để có sức mạnh đối chọi với cực bên kia. Còn trong khoảng trung gian sự liên kết rất lỏng lẻo, rất phân ly và phân tán nên không kết thành những tầng chặt chẽ được. Một hệ thống như thế là một hệ thống cân bằng động, có tính chất phân cực chứ không phân tầng. Sự phân chia giai cấp chỉ áp dụng được cho những người thuộc hẳn về hai cực, áp dụng cho những phần tử trung gian là không thích hợp.
Quan hệ giữa hai cực là mối quan hệ biện chứng, vừa tương sinh vừa tương khắc, như cực nam cực bắc của một thanh nam châm. Nếu ghét cái cực bắc mà chặt nó đi thì chính tại chỗ chặt sẽ là cực bắc mới. Nếu ghét cực thống trị mà thủ tiêu nó đi cho hết bóc lột, để một cộng đồng gồm toàn những người bị trị cũ tự quản lấy nhau, thì tại chỗ tự quản đó sẽ sinh ra cực thống trị mới, giai cấp bóc lột mới.
b. Hệ thống tổ chức của xã hội loài người
Xã hội loài người gồm đơn vị nhỏ nhất là cá nhân, rồi đến gia đình, dân tộc, quốc gia, nhân loại. Xét trên bình diện tiến hoá toàn nhân loại thì cá nhân, dân tộc và nhân loại là những đơn vị căn bản, chặt chẽ và ổn định nhất. Gia đình và quốc gia là những đơn vị kém ổn định hơn và ngày nay đã có xu hướng giảm bớt ý nghĩa. Trong hệ thống tổ chức từ thấp lên cao ấy không thể xếp giai cấp như một đơn vị chính thức (tôn giáo cũng vậy)nhưng quan điểm cực đoan về giai cấp đã khiến giai cấp trở nên một siêu đơn vị , dường như những người vô sản trên thế giới có thể tập hợp lại thành một quốc tế , chia thế giới thành hai phe theo giai cấp!Sự

quan trọng hoá tinh thần giai cấp khiến nó trở nên như một lưỡi dao phân tuyến trong mỗi cá nhân, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia cho tới nhân loại;một tinh thần giai cấp trùm từ nhân loại xuống mỗi cá nhân!Mà thực ra thì giai cấp chỉ là những tập đoàn người nằm trong vòng tay của quốc gia, dân tộc. Đề cao kinh tế và lợi quyền thì giai cấp sẽ quan trọng, đề cao văn hoá thì dân tộc sẽ quan trọng, đề cao trí tuệ thì cá nhân và nhân loại sẽ quan trọng, đề cao đạo đức thì gia đình (thậm chí cả làng xóm, quê hương) sẽ quan trọng.
Quốc gia cũng là một đơn vị tổ chức rất cần quan tâm. Trong nhiều thế kỷ quốc gia đã là đơn vị cơ bản nhất, nó gắn liền với sự hoàn chỉnh về lãnh thổ, quyền lực xã hội, văn hoá tư tưởng là khoảng không gian mà một thiên tử trị vì. Sự cách biệt thông tin và khó khăn giao thông đã khiến quốc gia có vẻ lớn như một thế giới, và lòng yêu nước cũng lớn lao như tình yêu nhân loại bây giờ (và tất nhiên phải yêu thiên tử thì thiên tử mới công nhận cho là yêu nước!). Ngày nay cùng với sự phát triển quá mạnh của phương tiện thông tin và giao lưu quốc tế, với kinh tế thị trường toàn cầu, với quyền cư trú ở nước khác và quyền thay đổi quốc tịch, và nhất là với sự phát triển của trí tuệ là yếu tố phi quốc gia, hình ảnh quốc gia đã mất linh thiêng dần. Lòng yêu nước vẫn còn được coi là đạo đức nhưng không còn là chuẩn mực đạo đức tuyệt đối để có thể phủ định những khát vọng chân chính khác. ở những nước càng văn minh thì ý niệm quốc gia càng giảm phần quan trọng. Sự hợp nhất về một số mặt của 12 nước trong cộng đồng châu âu hiện nay là báo hiệu của xu hướng đó. Mọi vách ngăn sẽ được xoá bỏ dần, và cuối cùng

sẽ chỉ còn là những cá nhân sống trong nhân loại. Tính đại đồng ấy là kết quả của sự hoà nhập của các quốc gia chứ không phải do sự liên hiệp của giai cấp vô sản trên toàn thế giới.

Xu hướng lịch sử sẽ là như thế, nhưng sẽ là sai lầm rất lớn nếu áp dụng vội vàng tinh thần phi quốc gia ấy, nhất là ở những nước mà -cả về nhận thức, đạo đức và tâm lý -lòng yêu nước vẫn còn là một chủ nghĩa có giá trị, tích cực, thậm chí vẫn còn là nguồn sức mạnh quyết định của xã hội.

Hà Sỹ Phu

Đôi điều suy nghĩ của một công dân

III

Suy nghĩ về qui luật tiến hoá nhân loại

Mọi người đều nhất trí rằng :người là một loài thống nhất và chặt chẽ, đúng theo tiêu chuẩn của một loài sinh vật nói chung. Về mặt di truyền học, các cá thể trong loài có khả năng giao phối một cách tự nhiên và con cái sinh ra vẫn giữ được khả năng sinh sản bình thường. Về sinh thái học, quan hệ trong nội bộ loài là quan hệ hết sức đặc biệt, gồm hai mặt mâu thuẫn nhau một cách biện chứng :một mặt, sự đấu tranh sinh tồn trong nội bộ loài là khốc liệt nhất, bởi nhu cầu về điều kiện sống của các cá thể đều giống hệt nhau. Mặt khác quan hệ trong loài là quan hệ hỗ trợ, giúp nhau đấu tranh chống các yếu tố bên ngoài. Mặt hỗ trợ là mặt chủ yếu nên mặc dù có cạnh tranh nhau, thậm chí có sự hy sinh của một số cá thể, mà tất cả vẫn kết thành một khối tiến hoá thống nhất, kết quả cuối cùng là cả loài vẫn phát triển. Những nội dung ấy của học thuyết Darwin về đấu tranh sinh tồn, về chọn lọc tự nhiên và tiến hoá khi đem soi rọi vào loài người vẫn giữ nguyên những giá trị quí báu của nó. Nhưng trong hệ lý luận của cách mạng vô sản thì học thuyết Darwin cũng như nhiều giá trị khác của trí tuệ nhân loại đã không thoát khỏi số phận bị công kích kịch liệt (6)trước khi chuyển sang trạng thái mặc nhiên thừa nhận. Chống học thuyết đấu tranh sinh tồn (và cả học thuyết di truyền

Mendel-Morgan)không ai mạnh hơn Stalin, nhưng trong hành động thực tế thì không ai tiến hành đấu tranh sinh tồn quyết liệt hơn Stalin, và chính điều đó đã khẳng định giá trị của học thuyết Darwin rồi.

Song loài người là một loài sinh vật đặc biệt ở chỗ có lao động sản xuất và có tư duy, nên hai điều đặc biệt ấy không thể không làm cho sự đấu tranh sinh tồn và tiến hoá của loài người có những bản sắc riêng.

1. Những quan hệ qua lại trong xã hội loài người

Loài người gồm rất nhiều cộng đồng trên khắp địa cầu, và gồm không biết bao nhiêu thế hệ, bao nhiêu thời đại kế tiếp nhau. Những quan hệ giữa những người đang sống cùng thời là những quan hệ ngang, cũng tức là quan hệ trên trục không gian. Quan hệ giữa các thế hệ, các thời đại kế tiếp nhau là quan hệ dọc , cũng là quan hệ trên trục thời gian, là quan hệ tiến hoá hay thoái hoá.

a. Những mối quan hệ ngang trong xã hội loài người

a1. quan hệ bóc lột và bị bóc lột

Sản phẩm người này làm ra, người kia chiếm đoạt, đó là biểu hiện trực tiếp nhất và phổ biến nhất của cuộc đấu tranh sinh tồn trong xã hội. Sự bất công này hiển nhiên là có liên quan đến sự chiếm hữu tư liệu sản xuất.

Nhưng, ngay cả khi địa chủ tư sản đã bị quét sạch, không còn chiếm hữu tư nhân đối với tư liệu sản xuất, chính phủ chỉ ngồi tính các chế độ tiền lương để trả cho cán bộ thôi cũng thấy đây là bài toán không tìm thấy đáp số trực tiếp và chính xác được. Bản chất của khó khăn là ở chỗ :khi đã sống chung trong xã hội thì con người liên quan với nhau và liên

quan với xã hội bằng vô số những quan hệ chằng chịt, trực tiếp và gián tiếp, trước mắt và lâu dài, hiện tại và quá khứ... Tất cả những mối duyên nợ rắc rối ấy không dễ gì mà qui thành giá trị lao động (Như Mác đã tính trong cuốn Tư Bản)để thanh toán sòng phẳng trong một cuộc phân chia sản phẩm cụ thể được. Nhưng cứ giả sử là đã tìm được một phương án qui ước nào đó mà mọi người thoả thuận là công bằng, thì sự công bằng ấy mới là công bằng chết , vấn đề là sự công bằng ấy có làm cho sản xuất phát triển hay không? Như ta đã thấy sản xuất không phát triển mà đình trệ thì rồi lấy gì để tiếp tục chia nhau, và sự công bằng ấy trở nên vô nghĩa!Nhưng thực tế lại còn xấu hơn thế bởi sự tham gia của quyền lực vào quá trình phân phối. Từ xưa đến nay quyền lực tự nó không bao giờ chịu đứng ngoài bài toán phân phối của kinh tế, trước sau gì nó cũng tìm được mẹo để phân phối lại !Thế là sự công hữu hoá về tư liệu sản xuất đâu có chống lại được bóc lột?Lúc ban đầu, sự công hữu quả thực có tạo được thuận lợi cho sự phân phối công bằng nhưng lại bất lợi cho phát triển sản xuất, và nếu không thiết lập được cơ chế dân chủ cho xã hội thì sự công bằng tạo được lúc đầu sẽ bị thủ tiêu ngay, mà sự tập trung tư liệu sản xuất luôn có nguy cơ gây ra sự tập trung tuyệt đối của quyền lực và cản trở sự hình thành cũng như sự hoạt động của cơ chế dân chủ.

Tóm lại bài toán phân phối phải là bài toán gắn liền với phát triển sản xuất và bài toán dân chủ (tức sự phân phối quyền lực) thì mới giải được. Không thể lý giải cơ chế của sự bóc lột chỉ bằng tính toán giá trị thặng dư trong một bài toán tĩnh

và thuần kinh tế như Mác đã làm (chưa kể những yếu tố thuần kinh tế trong bài toán ấy cũng chưa đầy đủ).
Bài toán động và tổng hợp ấy, nhân loại vẫn đang loay hoay tìm cách giải, nhưng mô hình thực tế có nhiều khả năng dung hoà được các mặt đối lập hiện nay là :Song song với thị trường mua bán sản phẩm tự do là một thị trường mua bán sức lao động tự do. Thuận mua! vừa bán!Chính trong cuộc vật lộn hoà bình ấy mà sự hợp lý sẽ được xác lập trong từng thời khắc, những sản phẩm và lao động kém chất lượng sẽ bị đào thải. Xã hội phải có luật cho kẻ bị thiệt thòi có quyền đấu tranh, có chỗ đấu tranh. Cơ quan quyền lực cần được tách ra thành một sức mạnh trung lập, được xã hội thuê làm nhiệm vụ trọng tài. Trọng tài chỉ cần thổi còi cho đúng luật, ngăn cản những tình huống quá đáng, thực hiện một số việc công ích (như giáo dục, y tế, nghiên cứu cơ bản, bảo vệ môi trường...)tuyệt nhiên không được tham chiến trực tiếp để kiếm ăn thêm, và cũng không cần vận động hay dạy dỗ bên nào cả. Một thị trường có tính nhân bản phải giải quyết ngày càng tốt vấn đề sở hữu của người lao động, bao gồm cả hai mặt của sở hữu là mặt tư liệu sản xuất, tiền vốn và mặt nhân quyền!
Một mô hình sinh động như vậy chính là sự thể hiện qui luật đấu tranh sinh tồn vào xã hội loài người, trong đó sự chọn lọc tự nhiên và chọn lọc nhân tạo đã nhập làm một, và không có nó thì sự tiến hóa sẽ ngừng. Thiên đường của nhân loại sẽ là một trường đấu lý tưởng, trong đó mọi đối thủ đều có điều kiện phát huy hết tiềm năng, và người có trí tuệ hơn, có năng lực hơn, có ý thức hơn... được đảm bảo sẽ thắng

cuộc, sẽ được hưởng thụ nhiều hơn(và được duy trì nòi giống nhiều hơn?)... và xã hội như thế mới là xã hội không còn bóc lột !

Mô hình ấy cho thấy trong sản xuất cũng như trong phân phối luôn cần một không khí đấu tranh hoà bình liên tục, đấy chính là linh hồn của cuộc sống. Cuộc đấu tranh không ngừng ấy chỉ là để giải quyết mối quan hệ ngang, tức là giải quyết sự công bằng giữa những người đang cùng sống chứ không phải đấu tranh, như vậy là làm cách mạng để tiến thẳng tới một xã hội mới về chất . Bởi không nhìn cuộc sống bằng con mắt biện chứng sinh động nên ta coi phong trào đấu tranh của công nhân trong xã hội tư bản là hiện tượng bất thường, bệnh hoạn, khủng hoảng không lối thoát, nên quyết làm một cuộc đấu tranh sinh tử cuối cùng, một mất một còn, để loại trừ đi một vế, để từ đó về sau không còn phải đấu tranh như thế nữa!Kết quả là đã tạo được những xã hội ngưng trệ, tĩnh lặng và bị mất hồn. Xét từ quan điểm sống là đấu tranh (lời Mác)mà nói thì đấu tranh như thế là quá tả ở đoạn đầu và quá hữu ở đoạn sau. ở đoạn đầu thì gây ra những khủng khiếp không đáng phải có ở đoạn sau thì xã hội lại quá im lìm bởi ta đã tước mất vũ khí đấu tranh hợp pháp của chính nhân dân lao động.

a2. Quan hệ xâm lược và bị xâm lược

xâm lược cũng là sự áp bức bóc lột, nhưng khác với sự bóc lột trong nước, sự bóc lột ở đây có ranh giới quốc gia phân định nên nhìn thấy rõ ràng, không cần lý luận hay tính toán gì cả, vấn đề là ở tình thế và vũ lực thôi. Sự phán quyết của nhân loại đối với quan hệ dã man này đã rõ ràng, không có

gì phải bàn.
Nhưng đứng ra xa để nhìn, ta thấy trong những nguyên nhân có nguyên nhân về sự phát triển không đều của nền văn minh giữa các nước. Và ngược với ý đồ của nước đi xâm lược, quan hệ này tự nhiên biến thành một phương thức phát tán nền văn minh nhân loại. Kết quả là ở một mức độ nào đó, độ chênh lệch về văn minh giảm đi, và điều này lại trở thành một trong những nguyên nhân để loại trừ dần nạn xâm lược trong thế giới loài người.
Từ lịch sử đau thương của một quốc gia bị nhiều kẻ thù xâm lược nhiều lần, kéo dài trên nghìn năm chúng ta rút được bài học gì?
Niềm tự hào về truyền thống anh hùng bất khuất đánh ngoại xâm là niềm tự hào chính đáng, nhưng, lần này, anh hùng bất khuất mà lần sau, lần sau nữa... vẫn phải anh hùng bất khuất , nghĩa là vẫn không thoát khỏi nạn bị xâm lược!Vậy thì riêng truyền thống chống ngoại xâm của một dân tộc không đủ để cứu dân tộc đó ra khỏi nạn ngoại xâm.
Trong khi nước Pháp đã có nền văn minh Công nghiệp mà vua Tự Đức còn coi lời NguyễnTrường Tộ tả cái bóng đèn điện là lời sàm tấu thì nước ta thua là phải, và dân tộc đã phải trả giá 80 năm nô lệ!Điều căn bản là dân tộc ấy phải nâng nền văn minh của mình cho ngang tầm các nước bên ngoài. Điều thứ hai là phải theo đuổi một chính sách ngoại giao rộng mở và nhân hoà, lèo lái tránh xa các vực thẳm chiến tranh. Chiến tranh đã nổ ra thì dẫu bên nào thắng, nhân dân cũng là kẻ chiến bại .
Ngày nay, cả đến chủ nghĩa thực dân mới cũng phải thoái lui

nhưng nguy cơ xâm lược không vì thế mà đã hết. Cách xâm lược hiện đại của thời kinh tế thị trường toàn cầu có những cách đi vòng vèo và độc ác của nó. Khái niệm độc lập cũng không thể hiểu đơn giản như trước, nhưng cách chống xâm lược từ xa vẫn không có gì khác hơn là xây dựng một cộng đồng dân tộc văn minh, giàu mạnh. Dân không có tự do, hạnh phúc thì cũng không giữ nổi độc lập cho nước. Nước không độc lập được với bên ngoài thì dân càng không thể có hạnh phúc, tự do.

Đánh giặc cứu nước cũng là để giải quyết mối quan hệ ngang, không nên gọi đó là cách mạng. Cách mạng là quan hệ dọc, quan hệ tiến hoá, là sự chuyển xã hội sang một phương thức sản xuất mới cao hơn, chứ không phải sự chuyển một nước bị đô hộ thành nước độc lập (như một số người hiểu lầm):Dân ta vốn có truyền thống yêu nước rất cao (còn truyền thống cách mạng thì phải nhận là dân ta chưa có truyền thống). Nên đã làm nên thắng lợi của hai cuộc kháng chiến vừa qua. Chiến thắng ấy không thuộc phạm trù của CNXH hay CNCS. Nhưng học thuyết Mác -Lenin về chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản đã tham dự vào công cuộc giải phóng dân tộc ở nước ta và một số nước khác theo một cơ chế riêng.

Một học thuyết có chủ định là đưa giai cấp công nhân đào mồ chôn chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội lại chỉ có tác dụng trong việc đưa giai cấp Nông dân đào mồ chôn chủ nghĩa thực dân, phong kiến để bước vào ngưỡng cửa của chủ nghĩa tư bản. Ví dụ một đoạn cầu thang được xây ra nhằm để đi tầng 2 lên tầng 3 nhưng cuối cùng chỉ

giúp ích cho một số người đi tầng 1lên tầng 2 thôi!Hiệu quả phi lý ấy lại không phi lý chút nào, bởi cái tầng 3 và cả đoạn cầu thang mới xây kia đều kết cấu bằng vật liệu ảo. Hầu hết những người đã ở tầng 2 thì nhìn rất rõ điều này, cá biệt có ai định đi thử thì té ngã ngay. Nhưng ảo ảnh ấy lại làm nức lòng những người đang đứng dưới tầng 1, khiến họ bỗng có sức mạnh thần kỳ để vượt cái đoạn cầu thang gỗ cũ kỹ từ tầng 1 mà lên tầng 2, đoạn này trước đây họ đã cố leo thử nhiều lần mà không leo được vì nó quá mục nát và còn bị đám người trên tầng 2 dí đầu xuống nữa. Họ định xốc thẳng một lèo lên tới tầng 3 (cho bọn người đáng ghét ở tầng 2 nhìn thấy mà sáng mắt ra), nhưng vừa lên tới tầng 2 thì họ đã thấy rõ sự thực. Dẫu sao đứng được ở hành lang tầng 2 cũng tốt hơn rồi. Lịch sử đã đi lên một bước (tuy sẽ phải trả giá về sau!)

Ngoài tác dụng động viên, thu hút của cái mục đích giả tưởng, học thuyết Mác -Lenin đã cung cấp cho chúng ta một phương pháp thâm nhập, vận động và tổ chức quần chúng tuyệt vời và nhiều chiến thuật hữu hiệu mà trước đây các cụ Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu, Nguyễn Thái Học... chưa ai có.

Có thể nói chủ nghĩa xã hội khoa học đã không thâm nhập được vào nhân loại bằng con đường khoa học, nhưng bằng con đường của lòng yêu nước thương nòi, chống phát xít, chống thực dân, giải phóng dân tộc.

a3. Quan hệ hỗ trợ, hợp đồng

Nhìn nhân loại theo cả tiến trình lịch sử lâu dài thì không có gì đáng bi quan. Theo thời gian, những quan hệ bóc lột và

xâm lược ngày càng giảm đi độ khốc liệt, trong khi mối quan hệ hỗ trợ hợp đồng là mặt chủ yếu của quan hệ trong nội bộ loài ngày càng phát triển rất rõ.
Sự hỗ trợ, hợp đồng vừa xảy ra theo cơ chế vô ý thức, vừa theo cơ chế có ý thức. Sự khuếch tán văn minh là sự lan toả tự nhiên và liên tục không có bàn tay nào xếp đặt. Thậm chí như trên đã nói, hoạt động xâm lược là hoạt động chống văn minh mà còn có tác dụng khách quan là phát tán văn minh. Ngày nay, sự phát triển nhảy vọt của kỹ thuật tin học đã cho con người từ khắp các nẻo địa cầu khả năng thông tin với nhau một cách tức thời. Thông tin quyết định nhận thức, nhận thức quyết định văn minh. ngoài ra sự giao lưu và hợp tác toàn diện giữa các quốc gia đã giúp nhiều dân tộc rút ngắn những khoảng cách thế kỷ. Một nước từ chỗ còn chưa sản xuất nổi một chiếc đinh ốc nghiêm chỉnh có thể bừng mắt ra đã được xem truyền hình màu. Sự giúp đỡ của những tổ chức quốc tế, các chương trình nhân đạo, các hoạt động tư nhân bất vụ lợi... về đủ mọi mặt là biểu hiện cao nhất, rực rỡ nhất của quan hệ hỗ trợ, hợp tác trong loài mà chỉ ở loài người mới có được. Chính sự giao lưu quốc tế ngày càng mật thiết đã giúp nhiều dân tộc nhược tiểu thoát ra được cái ách ngoại xâm, thậm chí giúp cả một số cá nhân tiêu biểu cho lương tri thoát khỏi ngục tù của đám độc tài trong nước.
Nếu diễn thế văn minh trên địa cầu có thể ví như một vùng trập trùng có núi cao và vực thẳm thì sự bùng nổ thông tin và giao lưu quốc tế đã như chiếc xe ủi khổng lồ san đi phần lớn những độ chênh lệch từ bao thế kỷ. Nhưng trớ trêu thay, chiếc xe ủi hàng tỷ mã lực này nhiều khi lại mắc kẹt giữa

đám tơ mành lửng lơ, bùng nhùng, giăng ra từ chính lòng người. Và trong một con người lại có thể có cả mấy cấp văn minh cùng chung sống!Con người không chỉ đơn giản là nơi hội tụ của những quan hệ xã hội. Bởi thế sự hỗ trợ hợp tác dù tốt đến đâu cũng không thể làm mất đi cái qui luật phát triển không đều . Mỗi quốc gia có một số phận, nhân dân nào thì số phận ấy. Bên cạnh xu hướng khách quan về sự hoà nhập văn minh luôn tồn tại những rào cản chủ quan mà biểu hiện cực đoan là khước từ văn minh

b. Khát vọng, qui luật và kẻ thù

Với những ai không tin ở niết bàn, thiên đàng thì có thể lấy xã hội cộng sản mà nội dung là không còn giai cấp, không còn bóc lột, không cón nhà nước, nhưng của cải thì tuôn ra như nước và hưởng thụ theo nhu cầu để cân bằng tâm linh. Tất cả đều rất tốt.

Nhưng khi trở lại cuộc đời thực thì những mục tiêu gần gũi sẽ bổ ích hơn :Hoặc là Độc lập -Tự do -Hạnh phúc hoặc là Tự do -Bình đẳng -Bác ái vv... Độc lập -Tự do- Hạnh phúc là khẩu hiệu chính trị có những ưu điểm thực tế nhưng ít có giá trị trong nhận thức, vì độc lập đã là yếu tố nằm trong tự do, tự do đã là yếu tố nằm trong hạnh phúc, còn hạnh phúc thì quá chung chung.

Tự do -Bình đẳng -Bác ái là khát vọng mang tính khái quát và khoa học hơn. Từ khát vọng ấy đã toả ra 3 con đường xuất phát đi tìm hạnh phúc:

-Chủ nghĩa Bác ái lấy bác ái làm đầu, đó là con đường của các tôn giáo.

-Chủ nghĩa Bình đẳng lấy bình đẳng làm đầu, đó là con

đường của chủ nghĩa xã hội
-Chủ nghĩa Tự do lấy tự do làm đầu, đó là con đường của chủ nghĩa tư bản.
Trong cuộc đời thực thì cuộc chạy đua đến hôm nay đã rõ kết quả :chủ nghĩa Tự do là đấu thủ bị coi là kém đạo đức nhất đã dẫn đầu!Xin các nhà đạo đức đừng thở dài!Tự do thắng cuộc chỉ bởi vì chính nó là qui luật đó thôi. Chủ nghĩa xã hội cũng như mọi tôn giáo đều có tác giả, đều do một đầu óc nào đó nghĩ ra. Còn cái gọi là chủ nghĩa tư bản lại mang một nội dung khác hẳn, nó là toàn bộ cuộc đời thực của thời đại, gồm tất cả những người bình thường của nhân loại đang sống theo sự chi phối tự nhiên của qui luật. Nó chẳng của riêng ai. Cho nên ngoài những phút sống riêng với tôn giáo của mình, tất cả các tín đồ Kito, hồi, phật... đều có thể trở về với nó một cách tự nhiên và đương nhiên. Chỉ có những người của thế giới XHCN là ly khai khỏi nó, tuyên bố thù địch với nó, và tự cấm mình không được trở về với nó, tức là không được về với nhân loại nói chung, mà thực tình lại thường xuyên trốn về với nó một cách lén lút!Nó không hề là thiên đường, nó có đủ mọi cái hay cái dở của trần tục (nhất là những cảnh cá lớn nuốt cá bé)nhưng thoát ly khỏi nó thì mọi điều thánh thiện đều vô nghĩa.
Tự do là bản tính của tự nhiên. Có tự do mới có phát triển, trên tiến trình phát triển mới có thêm tự do, mới có bình đẳng và có bác ái. Đạo đức không từ trên trời rơi xuống mà là sản phẩm hình thành dần dần trên tiến trình phát triển của nhân loại. Đạo đức phải được nuôi trong sự phát triển, tiền đề của phát triển là tự do. Nếu kéo dài tình trạng không

phát triển thì qui luật sinh tồn sẽ xé nát lá cờ Bác ái và lá cờ Bình đẳng ra từng mảnh.
Khẳng định vai trò quyết định của tự do và phát triển không có nghĩa là khi có hai điều kiện ấy thì tự khắc sẽ có Bình đẳng và Bác ái, mà không cần đến hoạt động khuyến thiện và nỗ lực tranh đấu của con người. Không thể lấy khát vọng thay cho qui luật, nhưng khát vọng đúng sẽ xúc tiến nhanh qui luật.
*
Trên đường vô tận đi tìm hạnh phúc, loài người có hai kẻ thù cố hữu là Ac tâm và sự Ngu dốt. Sự ngu dốt bịt mắt ta, không cho ta nhìn ra qui luật, nhận ra con đường sáng. ác tâm ngăn không cho ta đi vào con đường sáng mà lôi ta vào ngõ ám muội. Hai kẻ thù ấy là hai sợi dây ràng buộc ta vào cội nguồn dã thú xa xưa. Mỗi nỗ lực vươn về phía con người làm cho mối ràng buộc ấy yếu đi một chút. Cuộc giằng co này là của mỗi con người, với sự chung sức của xã hội. Trong cuộc chiến đấu để tiến hoá ấy mỗi con người đều là đồng đội của nhau.
Nhưng khi hai kẻ thù vô hình đó trong con người thắng thế thì chúng làm cho những con người, vốn là những đồng đội, quay súng bắn nhau và trở thành những kẻ thù hữu hình của nhau. Trong tình thế đó, con người một mặt phải không ngoan tìm cách đưa nhau ra khỏi tình huống ấy để lại trở về thành bạn, thành đồng đội. Như vậy về nhận thức phải hiểu kẻ thù chỉ là một khái niệm có tính chất tình huống, không có ai trên đời mà về bản chất là kẻ thù của ai cả.
Điều thật đáng tiếc là học thuyết đấu tranh giai cấp đã coi

sự đối lập giữa giai cấp bị trị và thống trị là mối quan hệ thù địch về bản chất, một mất một còn, không thể điều hoà, khoan nhượng (Engels còn nhấn mạnh rằng điều này thì bọn dân chủ tiểu tư sản không bao giờ có thể hiểu được !)Như đã trình bày ở phần cấu trúc xã hội :thống trị và bị trị chỉ là hai cực đối lập tất yếu và thường xuyên của mọi cấu trúc xã hội, vừa tương khắc vừa tương sinh một cách biện chứng, không bên nào có quyền dùng vũ lực đẩy bên kia ra khỏi cộng đồng thống nhất ấy. Không được thủ tiêu đấu tranh, thậm chí phải đấu tranh ác liệt, nhưng rốt cuộc vẫn phải đi đến một phương án dung hoà, trong đó có quyền lợi mỗi bên và lợi ích xã hội. Không thể vì thực trạng ác liệt hay vì sự thắng lợi của một phong trào tranh đấu hoặc nhân danh nhân dân mà cho phép một học thuyết được tuyệt đối hoá, bản chất hoá khái niệm kẻ thù, là một khái niệm vốn chỉ có tính chất tình huống. Cơ sở lý luận để người ta yên tâm trong thái độ chuyên chính cực đoan đối với kẻ thù là cho rằng có một ranh giới thật rạch ròi giữa ta và địch, nhưng kẻ thù vốn là một khái niệm có tính chất tình huống nên thực tiễn lịch sử đã cho thấy một quan niệm cực đoan về kẻ thù bao giờ cũng bị lợi dụng để trừng trị nội bộ.

Quan niệm kẻ thù giai cấp đã gây nỗi kinh hoàng, đã tạo ra một số lượng kẻ thù quá đông, quá sâu, quá lâu, đã làm cho chúng ta bị thất tán đi không biết bao nhiêu anh em, bầu bạn. Thật nguy hiểm khi lòng căm thù giai cấp được nâng lên thành một biểu tượng đầy tự hào của cái tâm lẫn cái trí. Trong cuốn Sicile, miền đất dữ Mario Puzzo viết : Một người tin vào đức hạnh của mình thì có thể nguy hiểm tàn bạo hơn

một người tin vào sự xảo quyệt của mình. Bởi vì cơn cám dỗ của điều thiện đã cho người ta sức mạnh và an tâm lao vào sự tàn bạo mà vẫn tưởng mình là hiệp sĩ của cái thiện!

2. Mấy đặc điểm của sự tiến hoá trong xã hội loài người

Sự tiến hoá loài người một mặt vẫn tuân theo những qui luật tiến hoá trong giới sinh vật nói chung, một mặt mang những đặc điểm riêng do chỗ loài người biết chế tạo và sử dụng công cụ và là sinh vật có trí tuệ.

a. Trí tuệ là cốt lõi của sự tiến hoá

Sinh vật thích nghi với môi trường trực tiếp bằng cơ thể nên sự tiến hoá của chúnh là sự thay đổi cấu tạo cơ thể để thích nghi cao hơn. Con người thích nghi với môi trường bằng công cụ và những sản phẩm do mình chế tạo ra (chẳng hạn cần bay thì chế ra máy bay chứ không biến hai tay thành đôi cánh)nên sự tiến hoá ở loài người thể hiện ở sự cải tiến công cụ, công cụ cải tiến được là do tiến bộ về trí tuệ. Điều đó nay đã rõ như ban ngày, chẳng cần phải lý giải dài giòng. Nhưng Mác lại tiếp cận với qui luật tiến hoá từ cửa ngõ quyền lợi, nên đi lòng vòng mãi vẫn không thoát ra khỏi cái mê lộ (labyrithe) của chiếm hữu, bóc lột , đối kháng giai cấp ... Mặc dù biết cách mạng là sự chuyển xã hội sang một phương thức sản xuất có năng suất lao động và chất lượng sản phẩm cao hơn, nhưng lại rút ra qui luật :đấu tranh giai cấp mới là đông lực của phát triển, và đi đến kết luận :vấn đề quan trọng nhất của mọi cuộc cách mạnglà Chính quyền!Mặc dù biết chỉ có đem toàn bộ hiểu biết của nhân loại để làm giàu bộ óc của mình thì mới trở thành người cộng sản (Lenin), nhưng lại xếp trí tuệ (khoa học tư tưởng...)

ở kiến trúc thượng tầng là cái bị quyết định bởi kết cấu kinh tế của cơ sở hạ tầng và ngay trong cái kiến trúc thượng tầng kia trí tuệ cũng chỉ có vai trò hỗ trợ, còn yếu tố quan trọng nhất của kiến trúc thượng tầng vẫn là chính quyền nhà nước!

Bức tranh cổ động của xã hội ắt phải vẽ anh công nhân đi đầu, tay cầm búa, (đôi khi cầm chiếc gậy chọc lò), tay kia giơ cao chỉ lối, tiếp đến là chị nông dân tay cầm liềm tay ôm bó lúa, tiếp đến là anh bộ đội súng sáng lưỡi lê, và lấp ló sau cùng mới là một anh nhỏ thó, lặc lè chiếc kính cận trước mặt cuốn sách dầy cộp ngang hông, và chỗ đó hẳn là nơi cất dấu toàn bộ hiểu biết của nhân loại để làm giàu cho bộ óc của mình !. Tinh thần của bức tranh và tinh thần toát lên từ nội dung lý luận của học thuyết là hoàn toàn nhất quán.

Sự đi chệch hướng tiến hoá ấy bắt nguồn từ những khiếm khuyết thuộc hai luận điểm trung tâm của chủ nghĩa xã hội khoa học :Bản chất bóc lột của chủ nghĩa tư bản là bóc lột giá trị thặng dư, và đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của xã hội. Nội dung cả hai luận điểm ấy cùng toát lên một điều là chưa thấy vai trò cốt lỗi của trí tuệ trong quá trình tiến hoá.

*Vấn đề bóc lột giá trị thặng dư

Chủ tư bản bóc lột công nhân, điều này ai cũng công nhận, nếu nhận thức dừng ở đó thì không có gì phải bàn. Nhưng lý giải cặn kẽ sự bóc lột ấy để tìm ra điểm nút mới là điều phái bàn vì nó quyết định sự đúng sai của giải pháp.

Những công thức tính toán kinh tế của Mác nói lên điều mấu chốt rằng :Trong quá trình lao động, người công nhân đã tạo

ra cho nhà tư bản một số sản phẩm có giá trị cao hơn giá trị mà nhà tư bản trả lại cho anh ta bằng tiền lương. Một bên làm nhiều mà hưởng ít, một bên không làm mà hưởng nhiều. Toàn bộ sự hưởng thụ của nhà tư bản có nguồn gốc từ phần lao động thặng dư của công nhân. Chỉ có phá bỏ kiểu sản xuất ấy đi thì người công nhân mới hết bị bóc lột.

Khi ta là người lao động làm thuê cần đấu tranh với chủ đòi tăng lương giảm giờ làm thì ta thấy ngay sự hợp lý đanh thép của cách tính toán và lập luận ấy. Nhưng khi là người có trách nhiệm phải tổ chức sản xuất và điều hành xã hội thì ta thấy ngay rằng vấn đề không phải vậy.

Sản xuất công nghiệp là quá trình sản xuất mang tính toàn xã hội, trong đó cần sự tham gia của rất nhiều thành tố :tiền vốn nói chung, nguyên liệu, máy móc, người quản lý, qui trình kỹ thuật, công nhân đứng máy, lao động phụ giản đơn... Sau khi sản xuất phải được tiêu thụ và lãi (hoặc lỗ)phải được phân phối cho tất cả các thành viên tham gia. Đây là sự hợp tác đa phương chứ không phải song phương. Cách đơn giản hoá để qui về song phương là gượng ép. Và trong mối quan hệ đều phải có tính hai chiều chứ không thể một chiều . Thật là phi lý khi trong các thành viên ấy có một thành viên chỉ biết tính chi phí calo cho lao động của mình và đòi cho đủ còn sự thể toàn bộ ra sao thì không cần biết tới. (quả thực công nhân là thành viên thường bị thiệt thòi nhất, nhưng không thể bênh vực công nhân bằng kiểu logic ấy). Đó là điều phức tạp nhất.

Trong sản xuất công nghiệp thì sản xuất và tiêu thụ gắn với nhau một cách hữu cơ, nếu tách rời ra thì tính sao được lỗ

lãi, nói chi đến sản xuất mở rộng hay không mở rộng, mà mỗi thành viên trong sản xuất đồng thời cũng là thành viên trong tiêu dùng. Chưa thấy mối tương hỗ này nên Mác đã dựa trên thực tế lúc đó mà tách tiêu dùng ra khỏi sản xuất, thậm chí còn đối lập nó. Mác nghĩ rằng người công nhân ngày càng trở nên xa lạ với sản phẩm do mình làm ra, sản xuất càng có lãi thì mình càng trở nên bần cùng, sản phẩm sẽ phải đổ đi và sản xuất tư bản chủ nghĩa không thể tiếp tục phát triển. Nhưng cuộc sống đã không chạy vào cái ngõ cụt siêu hình mà Mác tưởng tượng. Nhà tư bản phải tính xem sản xuất cái gì và phải trả lương cho công nhân ra sao để chính công nhân ngày càng mua được nhiều sản phẩm, để nhà tư bản có thể tiếp tục thu nhiều lợi nhuận và tiếp tục mở rộng sản xuất, và thực tiễn đang là như thế. Sau một vòng sản xuất phải có lãi, đó là điều kiện tất yếu để có tái sản xuất, mở rộng, xã hội nào cũng phải làm như vậy, và tất cả mọi người trong xã hội đều cần điều đó. lợi nhuận sau sản xuất chỉ tạo ra tiền đề để có khả năng xảy ra bóc lộtchứ không phải nguyên nhân sinh ra bóc lột. Phân phối có công bằng hay không lại là chuyện khác, sẽ nói dưới đây. Đó là điều phức tạp thứ hai.

Điều phức tạp thứ ba là cơ sở để tính giá trị lao động. Không riêng gì lao động của công nhân mà tất cả các yếu tố tham gia trong quá trình sản xuất, suy cho cùng đều là sản phẩm từ lao động chân tay và trí óc của con người. Những lao động ấy có thuộc tính hết sức khác nhau, từ những nguồn hết sức khác nhau, qua những quá trình sản xuất bằng những cách hết sức khác nhau và tạo ra những kết quả cũng

hết sức khác nhau. Không một phương pháp nào, không một máy tính nào có thể giúp con người tính đúng được giá trị của tất cả những đóng góp ấy trong sản phẩm. Nghĩa là về bản chất thì khái niệm công bằng hay hợp lý không phải là những tiêu chuẩn khách quan có thực, khái niệm bóc lột cũng vậy. Mọi sự tính toán chỉ là tương đối, và chấp nhận sự tính toán ấy hay không là do thoả thuận, do qui ước do tương quan cụ thể tại thời điểm ấy quyết định. Tương quan phân phối là kết quả của cạnh tranh và đấu tranh liên tục. Kết quả ấy thể hiện một phần trong những bộ luật, khế ước, thông lệ... trong một cơ chế xã hội càng dân chủ thì sự phân phối càng có tính công bằng hơn thôi, chứ không thể biết đến đâu là có sự công bằng đích thực. Vì thế khái nệm một xã hội không còn người bóc lột người là một khái niệm không thể hiểu được. Chống bóc lột bằng cách thực hiện quyền lực chuyên chính và xóa tư hữu là giải pháp hoàn toàn lộn ngược. Muốn có sự công bằng tương đối trong phân phối (chứ không phải trong sản xuất)thì một mặt phải làm cho mọi người đều có sở hữu tư nhân, một mặt xây dựng cho xã hội một cơ chế dân chủ pháp trị, chống độc quyền đảng trị.

Điều phức tạp thứ tư mới là quan trọng hơn cả đối với tiến hoá. Theo Mác thì chỉ có sức lao động mới có khả năng tạo ra giá trị cao hơn giá trị đã mua nó, và lao động sống của người công nhân là nguồn duy nhất tạo ra giá trị thặng dư, vì thế chỉ có phần vốn để mua sức lao động mới là tư bản khả biến , vốn để mua máy móc thì thuộc về tư bản bất biến . Ta tin ngay vào lập luận ấy vì quả thật máy móc dù tốt đến

đâu cũng phải qua bàn tay lao động sống của người công nhân mới ra được sản phẩm. Nhưng một tư duy như thế là cùng loại với tư duy rằng trong một máy truyền hình màu thì các công tắc tắt mở là quan trọng hơn cả, không có nó thì trăm nghìn linh kiện hiện đại cũng chỉ im lìm như chết!Khả năng sản xuất tự động đã giúp những người không quen tư duy nhận ra điều này. Một thiết bị hiện đại cũng có thể tạo ra cho chủ nó một tổng giá trị cao hơn nhiều so với tiền mua nó chứ, có thể chỉ sau một thời gian sản xuất là thu đủ vốn, và từ đó trở đi toàn bộ hoạt động của nó là phần cống hiến thặng dư cho chủ.

Trong sản xuất công nghiệp thì trí tuệ mới là yếu tố quyết định và càng ngày càng trở nên quyết định hơn, và yếu tố ấy chủ yếu (cần nhấn mạnh chữ chủ yếu)không nằm trong lao động sống của công nhân, dù đó là công nhân kỹ thuật. Tầm trí tuệ của một quá trình sản xuất công nghiệp trước hết là ở qui trình công nghệ. ở mức độ ưu việt của máy móc và vật liệu kỹ thuật, ở trình độ các chuyên gia và kỹ thuật viên, ở năng lực tổ chức và quản lý... ở bề sâu hơn thì trí tuệ đã kết tinh ở sự tập trung vốn, ở những nghiên cứu cơ bản, ở thông tin, ở năng lực tiếp thị, ở năng lực dự đoán và chấp nhận may rủi... nghĩa là ở toàn những khâu trung gian, gián tiếp, ở lao động quá khứ. Sản xuất càng hiện đại thì lợi nhuận càng được sinh ra từ phần tư bản mà Mác gọi là bất biến. Và khi tính tiền công mà nhà tư bản phải trả cho công nhân Mác đã không tính đến cái giá mà người công nhân phải trả cho nhà tư bản vì điều này: năng lực lao động sẽ không là cái gì hết, nếu không bán được nó (7).

Trong một bài viết trên báo nhân dân, tác giả đã công nhận : giá trị hàng hoá được tạo ra không phải do sức lao động mà do cách lao động!. Mà cách lao động thì thuộc về qui trình công nghệ, thuộc về những yếu tố của trí tuệ và của chủ đầu tư đã qui định, chứ đâu phải tuỳ ý người công nhân?Khi phải ở địa vị người tổ chức xã hội ta mới thấm thía cái cảnh:sức lao động của xã hội thì cứ thừa ứ ra mà tất cả cứ khoanh tay nhìn nhau chịu đói, chịu thiếu. Tư liệu sản xuất thì vẫn là của chung đấy, cảnh trấn lột nhau bằng dủ kiểu thì chỗ nào cũng có, nhưng tìm một nơi bóc lột cho đàng hoàng để bán sức lao động thì tìm không ra, vì kiếm được một người có vốn lớn, một qui trình công nghệ hữu hiệu, một equipe đủ năng lực điều hành, một năng lực dự đoán và dám đương đầu với rủi ro thì đâu có dễ?

*Vấn đề Đấu tranh giai cấp là động lựccủa sự phát triển

Hoạt động đấu tranh làm cho một hệ thống tĩnh trở nên động, điều này rất hợp với thuyết tiến hóa của Darwin nên mệnh đề đấu tranh là động lực rất dễ được mọi người thừa nhận. Mà đấu tranh trong một xã hội có giai cấp thì là đấu tranh giai cấp chứ còn gì nữa?Cho nên chẳng ai nghi ngờ gì khi kết luận rằng : đấu tranh giai cấp là động lực phát triển trong xã hội có giai cấp!

Nhưng vấn đề lại không phải vậy!Một khi đã xác định rằng sự thắng thua trong tiến hoá là sự thắng thua về năng suất lao động và chất lượng sản phẩm thì những nhân tố của sự đấu tranh ấy cũng phải là nhân tố trực tiếp quyết định năng suất và chất lượng chứ?Nhân tố ấy không thể là gì khác ngoài trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý...

tức là trình độ của trí tuệ. Vậy thì sự thi đua trí tuệ hay đấu tranh trí tuệ mới là động lực của sự phát triển, chứ không phải sự đấu tranh giai cấp!

Sự thắng thua về trí tuệ quyết định trình độ cả một nền sản xuất mới là mối quan hệ dọc , quan hệ tiến hoá. Còn hiện tượng đấu tranh giai cấp chỉ có tác dụng giải quyết sự công bằng trước mắt, tức thuộc quan hệ ngang , có thể có ảnh hưởng thúc đẩy đối với sự phát triển, nhưng không phải là động lực trực tiếp quyết định sự phát triển, thậm chí có khi nó làm hại cho sự phát triển nữa.

Khi cần nói đến Trí tuệ, đến Tri thức tiên tiến thì Mác lại nhập nhân tố đó vào giai cấp công nhân luôn cho nhất quán :về lợi ích thì giai cấp công nhân đã đại diện cho lợi ích chân chính của các giai cấp khác, về trí tuệ thì giai cấp công nhân lại là tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến nhất. Nếu có một giai cấp đại diện được cho cả quyền lợi lẫn trí tuệ của cả nhân loại như thế thật thì đúng đấy là một giai cấp thần thánh. và đảng lại là đội tinh hoa nhất của giai cấp thần thánh đó, thì nhân loại cứ việc yên tâm mà phó thác hết vận mệnh của mình, trao hết tay hòm chìa khoá , chẳng cần gì đến cơ chế hãm cũng là điều đương nhiên thôi!

Nhưng ý tưởng lãng mạn ấy của Mác không thể không vấp phải một thực tế là phong trào công nhân tự nó thì cùng lắm cũng chỉ dẫn đến chủ nghĩa Công đoàn!, muốn cải tạo thế giới cần phải có lý luận, tức là cần có ý thức hệ viết thành chủ nghĩa, lý thuyết này lại phải do những người trí thức hữu sản viết ra . Sở dĩ những người trí thức hữu sản lại đi viết ra tư tưởng vô sản (!)vì họ đã biết từ bỏ giai cấp của mình để

đầu hàng giai cấp vô sản (!)(trong khi ở những người khác thì lập trường giai cấp là yếu tố mang tính bản chất, khó thay đổi được (!). Chỉ vì quá thương giai cấp cần lao trong buổi đầu thối nát của chủ nghĩa tư bản mà một đầu óc như Mác bị sa vào cái màn đại bi kịch của tư duy như thế!
Chỉ có sự tích luỹ và gia tăng không ngừng của trí tuệ, chỉ có sự cạnh tranh, cọ sát của trí tuệ mới làm cho xã hội trở nên văn minh hơn!
Đã có những lúc Mác tiến sát tới chân lý đó. ấy là khi Mác nói :Lịch sử của tư duy bắt đầu từ đâu thì lịch sử của xã hội loài người cũng bắt đầu từ đó!ấy là khi Mác phát hiện ra tính năng động của xã hội nằm ở lực lượng sản xuất chứ không nằm ở quan hệ sản xuất. Đáng lẽ Mác phải nói tiếp :Trong lực lượng sản xuất thì tính năng động phải nằm trong bộ óc chứ không ở chân tay được, và như thế thì con người tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến lại không thể là giai cấp công nhân được!
Chỉ cần nhận thức chính xác một điều ấy thôi thì mọi chuyện đều thay đổi hết :Đã là Trí tuệ thì phải kế thừa, tích luỹ tiệm tiến chứ không thể dùng đột biến cách mạng để xoá bỏ, thay thế. Phải là hoạt động của những đầu óc cá nhân trong sự hài hoà rộng mở với nhân loại chứ không phải vấn đề giai cấp, không phải là sự đối kháng giữa hai phe. Phải ở mặt trận kinh tế, sản xuất, văn hoá chứ không ở nơi chímh trị, tư tưởng và chớp thời cơ giành chính quyền (chuyện đánh giặc cứu nước lại là chuyện khác). Phải là sự đấu tranh lâu dài để ngày càng công bằng hơn chứ không phải phá bỏ cái phương thức sản xuất công nghiệp đang làm cho sản xuất

phát triển. Phải thực hiện dân chủ tự do để làm xuất hiện và chọn lọc các sản phẩm sáng tạo của trí tuệ chứ không phải dùng chuyên chính công nông để xếp đặt mọi việc của xã hội trong lòng bàn tay. Kẻ thù chính là sự kém trí tuệ nằm ngay trong đầu mình chứ không phải bàn tay phá hoại của nước này hay nước khác... Tóm lại chỉ cần một điểm ấy thôi đủ làm sụp đổ cả học thuyết xã hội của Mác -Lenin.

Theo Engels đánh giá, thì học thuyết xã hội của Mác ra khỏi được tình trạng không tưởng nhờ hai phát kiến khoa học:khám phá ra sự bóc lột giá trị thặng dư và qui luật đấu tranh giai cấp trong sự phát triển duy vật của lịch sử (tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản). Song, như đã phân tích ở trên, đây lại chính là hai điểm thiếu khoa học nhất trong lý luận của Mác. Thế là cái vòng không tưởng như một tất yếu trong thời đại của Mác đã không để cho ông thoát ra!

Ngày nay chúng ta biết quá rõ rằng con người chỉ có thể tự giải phóng mình bằng trí tuệ của mình. Mỗi phát minh về khoa học (nhất là khoa học kỹ thuật thông tin)làm cho con người trên toàn thế giới có tự do thêm một chút, sự ngu dốt và cái ác tâm phải lùi thêm một chút. Chúng ta biết rằng Trí tuệ đang trở thành yếu tố sản xuất trực tiếp, rằng sinh quyển đang trở thành trí quyển , rằng quyền lực xã hội đang chuyển sang tay Trí tuệ... nhưng đem những điều ấy bổ sung vào cho học thuyết Mác thì có nghĩa là phải thay đổi tận hòn đá tảng dưới cùng.

b. Nguyên tắc quán quân

Nói về trình độ nhẩy cao của một nước, một năm người ta chỉ nêu kỷ lục của người đoạt giải quán quân nhảy cao của

nước đó hoặc năm đó, không ai lấy trình độ của mấy chục triệu người rồi chia ra lấy trung bình cộng. Tri thức cũng vậy, một người tìm ra một định luật nào đó có nghĩa là loài người đã có tri thức đó. Mức độ văn minh của xã hội được đo ở những đỉnh, trình độ trí tuệ của một dân tộc được đo ở tầng lớp trí thức của dân tộc đó. Vì thế xã hội phải chăm lo sao cho xuất hiện được những đỉnh ngày càng cao và toàn xã hội sẽ được hút lên theo những đỉnh đó. Song tư tưởng bình quân của chủ nghĩa xã hội trong nhiều năm đã chỉ đạo chẳng những quan hệ kinh tế mà cả các mặt xã hội khác, trừ lĩnh vực quyền lực. Không gian xã hội quyền lực như có một trường hấp dẫn ngược với sức hút trái đất, con người như bị hút lên cao, mà đã lên thì khó đẩy xuống được. Mọi thứ đều là của toàn dân , riêng quyền lực thì đảng ta kiên quyết không chia sẻ với ai cả . Trong thế giới của quyền lực tập trung thì những đỉnh cao điển hình hẳn phải là Stalin, Mao-Trach-Đông, Kim Nhật Thành, Pôn Pốt... Thế là cái gì mà qui luật yêu cầu chia ra thì ta đem tập trung lại, cái gì qui luật yêu cầu tập trung thì ta lại dàn đều ra. Bệnh bình quân đã được nhận ra từ lâu, nhưng đỉnh cao không thể mọc lên từ cái nền còn quá thấp và căn bệnh bình quân vẫn còn nằm trong gốc của chủ nghĩa, tình trạng lấy cái thấp làm chuẩn để gọt cái cao vẫn còn phổ biến. Xã hội không thể lấy điểm tựa ở sự bần cùng!

c. Nguyên tắc tích luỹ, kế thừa và giao thoa

Đời sống động vật hầu như cắt rời khỏi các thế hệ trước nó và các thế hệ sau nó (nhiều lắm cũng chỉ là có mối liên hệ giữa cha mẹ với con cái, con cái bắt chước các tập tính và

kinh nghiệm của bố mẹ). Các thế hệ nối tiếp nhau như một đường răng cưa nằm ngang, mỗi thế hệ lại bắt đầu lại từ đầu. Sự tiến hóa thường xuyên hầu như không có, tiến hoá chủ yếu do các đột biến trong nhiễm sắc thể, những biến đổi sâu sắc hàng ngàn vạn năm mới chọn lọc được dẫn tới việc hình thành loài mới, loài phụ mới...

Loài người thì khác hẳn, nền văn minh từ các thế hệ xa xưa cũng được ghi lại trong các sách vở, công trình, công cụ, đồ dùng... nên các thế hệ sau không phải đi lại từ đầu mà được đứng lên vai thế hệ trước rồi tiếp tục đi lên. Do sự tích luỹ và kế thừa mà thế hệ sau văn minh hơn thế hệ trước, trong khi cấu tạo cơ thể vẫn không thay đổi. Các thế hệ nối tiếp nhau thành một đường thẳng đi lên liên tục, xen kẽ với những thời kỳ nổ bùng cách nhau vài thế kỷ, đó là những thời kỳ chuyển cấp văn minh. Nhiều người đồng ý với nhận định rằng loài người có ba cấp văn minh là văn minh Nông nghiệp, văn minh Công nghiệp và đang tới là văn minh Tin học. Qui luật phát triển không đều làm cho cả ba cấp văn minh đều cùng tồn tại song song và giao thoa với nhau. ý thức của con người tác động vào qui luật theo cả hai chiều kìm hãm và thúc đẩy, bảo thủ và cấp tiến, nên tại những điểm gối đầu và giao thoa xã hội phân hóa phức tạp và trăn trở dữ dội. Có tình trạng trong một nước, cái văn minh Công nghiệp cùng một lúc bị sự công kích theo hai chiều ngược nhau của cả hai cái văn minh Nông nghiệp lẫn cái văn minh Tin học!Những biểu hiện đặc trưng của các phương thức sản xuất hoặc của các nền văn minh chỉ rõ nét ở các nước tiên phong, còn ở các nước hậu tiến, do tác dụng giao thoa nên

các nền văn minh lai nhau, mâu thuẫn xã hội không được giải quyết dứt khoát, mà dai dẳng, pha trộn phức tạp. Đặc điểm hậu tiến ấy cộng với tâm lý châu á (sẽ phân tích rõ ở phần về tính cách Việt nam)đã tạo ra diện mạo riêng của phương thức sản xuất châu á, cũng như phương thức đổi mới kiểu châu á của các nước xã hội chủ nghĩa châu á hiện nay.

Từ con thú hoang dã lên được tới cấp văn minh ngày nay là do con người liên tục tích luỹ, liên tục kế thừa. Nhưng cách đặt vấn đề của chủ nghĩa Mác Lenin đã chặn đứng sự kế thừa đó. Từ học thuyết ấy toát lên một tinh thần rằng :Lịch sử chỉ đi tuần tự liên tục cho tới khi có Cách mạng Vô sản, từ Cách mạng Vô sản trở đi lịch sử sang một kỷ nguyên khác hẳn. Cách mạng Vô sản chuyên làm những việc chưa hề có trong lịch sử.

Vấn đề chính quyền là một ví dụ :Theo chủ nghĩa Mác thì mọi nhà nước từ xưa đến nay đều là công cụ thống trị của thiểu số đối với đa số. Vô luận nhà nước nào cũng đều không dân chủ, đều không có tính nhân dân (kể cả dân chủ đại nghị)đều không tự nguyện rời khỏi vị trí, và chỉ có dùng bạo lực cách mạng mới thủ tiêu nó được. Còn nhà nước chuyeen chính vô sản thì là công cụ thống trị của đa số đối với thiểu số, nên dẫu chuyên chính nó vẫn dân chủ gấp triệu lần, không ai thủ tiêu nó được nhưng nó sẽ tự nguyện tiêu vong, rồi đây nó sẽ tự xếp mình vào viện bảo tàng đồ cổ, bên cạnh chiếc xe quay sợi và chiếc búa bằng đồng(8). Nhưng điều quan trọng là ở chỗ này :trước khi tự tiêu vong nó phải được tăng cường sức mạnh để là một chính quyền sắt có một bàn

tay sắt để diệt trừ chủ nghĩa tư bản,... thẳng tay chấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột, là bọn mà người ta không thể nào tước hết ngay được tất cả của cải của chúng, những ưu thế của chúng về mặt tổ chức và về mặt hiểu biết (!), và do đó trong một thời gian khá dài chúng không khỏi có những âm mưu nhằm lật đổ chính quyền của những người nghèo khổ... Và tất cả những phần tử hủ bại của xã hội cũ, nhất định là đang còn rất nhiều và chủ yếu đều có liên hệ với giai cấp tiểu tư sản... (9)

Theo chủ nghĩa Mác thì qui luật phát triển của mọi hình thái kinh tế -xã hội từ trước tới nay là :sức sản xuất phát triển đến cực độ sẽ phá vỡ quan hệ sản xuất tương ứng, kết thúc bằng việc giành chính quyền. Nhưng riêng với xã hội xã hội chủ nghĩa thì :Quan hệ sản xuất hình thành trước, rồi mới mở đường cho sức sản xuất tiến lên và giành chính quyền là việc mở đầu!

Theo Engels thì những điều trái ngược ấy không có gì là lạ. Engels giải thích : Cách mạng cộng sản là sự đoạn tuyệt triệt để nhất với chế độ sở hữu cổ truyền. Không có gì là lạ nếu trong tiến trình phát triển của nó, nó đoạn tuyệt một cách triệt để nhất với những tư tưởng cổ truyền (10).

Tư tưởng cộng sản không muốn đứng chung với ai khác mình, kể cả thầy mình. Chúng ta đã hết sức công phẫn khi bị xếp chung với chủ nghĩa tư bản trong phạm trù xã hội công nghiệp (mà thực ra ta đâu đã đạt đến mức đó!), lại hết sức nguyền rủa những ai bảo chúng ta sẽ cùng với thế giới tư bản hội tụ, hoà nhập trong một thế giới chung tốt đẹp!Và nực cười nhất là các nhà lý luận Mác xít lại cảm thấy bị xúc

phạm khi thấy chủ nghĩa Mác bị người ta hạ thấp thành một thứ triết học về con người là thứ tầm thường.
Bệnh biệt phái và kiêu ngạo cộng sản ấy đến hôm nay vẫn đang là chuyện thời sự. Ai dám bảo là ta đã hết biệt phái và kiêu ngạo khi ta đang tuyên bố là sẽ kiên trì đến cùng chính cái chủ nghĩa đã là cội nguồn của bệnh biệt phái và kiêu ngạo ấy?Và bây giờ việc xưng tên là nước xã hội chủ nghĩa để đi làm ăn với thế giới thì khác nào bảo người ta rằng :các anh hãy chơi với tôi và giúp đỡ tôi để tôi xây dựng cái xã hội văn minh gấp vạn lần các anh!
Do nhạy cảm bắt được cái thần ấy của chủ nghĩa mà Tố Hữu đã viết nên câu thơ ca ngợi cách mạng tháng mười :
Thuở anh chưa ra đời
Trái đất còn nức nở
Nhân loại chưa thành người
Đêm ngàn năm man rợ!
Khi nhà thơ viết những lời trên thì anh (cách mạng tháng 10)mới ngoài 30(và tất nhiên còn cường tráng chứ không sa sút như bây giờ), còn kẻ bị nhà thơ coi là chưa thành người chính là cụ homo sapiens đã trải qua triệu rưỡi năm tiến hoá với ngót ba tỷ cháu con, trong đó có không biết bao nhiêu là vĩ nhân!
Cái yếu tố giúp ta có sức mạnh để dám liều mạng ly khai với quá khứ truyền thống của nhân loại chính là cái ảo giác ngỡ mình đã được hào quang của tương lai dắt tay, nghĩ rằng cái đích sáng lạn sẽ hoá giải hết mọi sai lầm, cứu cánh sẽ biện minh cho phương tiện. Nhưng luật tiến hoá cho thấy rằng nếu đứt mạch với quá khứ nhân loại thì tương lai chờ đón chỉ

có thể là sự hụt hẫng xuống những thang bậc thấp hơn!
d. Những nguyên tắc tự do cho con người
Nhìn bề ngoài thì tính có tổ chức của xã hội dường như được quyết định bởi quyền uy thống trị và thái độ phục tùng của dân chúng. Nhưng chỉ cần ngược dòng lịch sử là thấy ngay tình hình ngược hẳn lại. Quyền uy thống trị và sự phục tùng của dân chúng thì chẳng đâu bằng xã hội nô lệ và xã hội phong kiến, nhưng đấy chính là thời kỳ hỗn loạn nhất trong lịch sử nhân loại. Những đám cướp lớn, những cuộc chiến đẫm máu tàn sát hàng loạt người như diệt kiến. Quyền lực tối thượng khi ấy chẳng qua là luật rừng, tức luật trong tay kẻ mạnh đặt ra để trị lại một bản năng thú tính tự do hoang dã. ý thức xã hội của kẻ thống trị lẫn kẻ bị trị đều rất kém.
Để thoát khỏi tình trạng đó người ta tìm đến tôn giáo, tác dụng của tôn giáo đối với tâm linh, đối với giáo dục không ai là không thấy, nhưng điều bất ngờ là cứ ở đâu mà tôn giáo nắm quyền toàn trị là con người ở đó trở nên cực đoan. Không dung nạp được kẻ đối lập và con người càng tàn sát nhau dữ dội. (Chẳng riêng gì cuộc thập Tự Chinh mà thế giới hôm nay cũng vẫn cho thấy rõ điều đó). Rồi các ý thức hệ khác nhau xuất hiện. Nhưng ý thức hệ nào cuối cùng cũng bộc lộ bản chất là những giáo lý khoác áo khoa học, nên ý thức hệ trị hay đảng trị cũng không khác gì tôn giáo trị , đều nằm trong quĩ đạo đức trị, luôn có nguy cơ chuyển thành cực trị (autoritarisme). Tại sao vậy?
Bởi nền cai trị dựa trên ý thức hệ hay dựa trên giáo lý tôn giáo đều có ba đặc điểm :
-Là tiếng nói nhân ái nên chinh phục được lòng người.

-Chỉ chấp nhận một tiếng nói chính thống đã linh thiêng hoá và độc tôn hoá , không chấp nhận sự bất đồng chính kiến.
-Những chuẩn mực căn bản đều nằm trong cõi tâm thức, không ai nhìn thấy, không kiểm chứng được.
Một nền cai trị như thế sẽ đưa xã hội thành thiên đường lý tưởng ngay tức khắc nếu mọi người cùng có tâm, đều có ý thức, đều hỷ xả, đều sống vì mọi người, đều biết nghe lời. nhưng chỉ cần lọt vào đấy một tên vị kỷ ma giáo là cả hệ thống vị tha ấy khó bề chống đỡ, và tất cả trở thành những vật tế thần. Kẻ gian chỉ cần thu mình cho lọt cái khuôn và khi đã lọt được rồi thì xã hội chỉ còn là con rối ngoan ngoãn trong tay hắn, ba đặc điểm nói trên của hệ thống đã chuẩn bị đầy đủ điều kiện để hắn hành sự rồi.
Không thấy mặt tính bản bất thiện luôn có sẵn trong con người cùng với mặt tính bản thiện , đó là gốc rễ của lý thuyết cai trị duy tâm siêu hình này. Điều quái ác của tạo hoá là cả đàn cừu lẫn con sói đội lốt cừu đều bỏ phiếu cho phương án duy tâm này một cách đắc ý, đắc thắng. Cái ruột phi nhân sẽ phình ra, nằm vừa khít trong cái vỏ nhân trị như trong cái áo vốn may đo cho nó vậy. Sự đánh tráo ấy có thể là do sự tính toán từ đầu, nhưng cũng có thể đấy chỉ là kết quả phát sinh tất yếu từ những kẽ hở trong nguyên lý, nhưng kết cục cũng không khác gì nhau. Kẻ thành công trong sự nghiệp đánh tráo này không ai hơn được Stalin.
Trả giá bao xương máu cho ảo tưởng đức trị, con người mới nhận ra rằng : Bất cứ ai có quyền cũng có xu hướng lạm quyền, họ xử dụng quyền tới khi gặp phải giới hạn (Montesquieu). Nền pháp trị đã ra đời và trưởng thành trong

ánh sáng của nhận thức ấy. Cái khó là vừa phải chống độc tài vừa phải chống tự do vô chính phủ (mà công cụ chống tự do vô chính phủ tiện lợi nhất lại chính là độc tài!).
Muốn vậy trước hết những chuẩn mực phải được luật hoá hết, rõ ràng, cụ thể, không có chuẩn nào nằm trong tim trong óc cả. Luật chỉ nói cái cấm không được làm, ngoài ra ai muốn làm gì thì làm, không ai được nhân danh bất cứ cái gì để can thiệp vào việc của người khác mà luật không cấm. Việc ấy chính là dọn sạch cái mặt bằng cho con người được tung tăng chạy nhảy và không còn bụi rậm cho sự độc tài ẩn nấp. Điều thứ hai là cơ quan quyền lực phải do dân bầu ra một cách tự do và trực tiếp, và định kỳ phải đem ra bầu lại. Song thế vẫn chưa đủ, quyền lực không thể nguyên đơn, tức là không thể từ một nguồn. Tuỳ từng nước mà phối hợp linh hoạt giữa chế độ lưỡng đảng, đa đảng với chế độ tam quyền phân lập để sao cho có sự bảo đảm rằng quyền lực vẫn được tập trung hữu hiệu mà sự sai trái của cá nhân hay một bộ phận không có khả năng kéo sụp cả nền dân chủ công bằng tương đối mà xã hội đã thiết lập được...
Sự tập trung, thống nhất của nền pháp trị là sự thống nhất lành mạnh bởi nó là kết quả đấu tranh của các mặt đối lập, thế là hợp qui luật biện chứng. Cái gì tốt đẹp trong lòng, trong ý thức phải được vật chất hoá thành các cơ chế, thế là duy vật. Trong quan hệ xã hội pháp trị , lòng tốt phải trở thành thừa. Dân cử ra chính quyền, nuôi chính quyền, nhưng yêu cầu chính quyền phải đứng tách ra, đối lập với dân, người dân sai là trừng trị thẳng tay. Thế mới là của dân, do dân vì dân. Trong hệ thống pháp trị ấy các đảng phái, các

tôn giáo cũng như các đoàn thể khác đều là những tập hợp của công dân, nằm ở phía dân, chỉ lãnh đạo trong nội bộ đoàn thể mình, không thể nằm ở phía lãnh đạo của xã hội được. Lãnh đạo của xã hội chỉ có thể là các cơ quan quyền lực do toàn dân bầu ra. Nhân dân không thể trao vận mệnh của mình cho một tổ chức mà nhân dân không khống chế được. Nếu một đảng nào đó được hiến định là lãnh đạo xã hội thì xã hội ấy không tài nào trở thành một xã hội pháp trị được, quanh quẩn rồi lại trở về với văn minh đức trị tức văn minh nông nghiệp , về lâu dài không thích nghi được với công nghiệp hoá và kinh tế thị trường.

Tóm lại tự do chẳng những là khát vọng của con người mà cũng là qui luật của tiến hoá, bởi tự do của các cá nhân và sự giảm tự do của các quyền lực thống trị chính là điều kiện cho tính có tổ chức của xã hội, làm cho xã hội ổn định, ổn định nhưng không tĩnh mà phát triển.

e. Nguyên tắc không thể tự do trước qui luật.

Càng được tự do trong xã hội, càng phát triển nhận thức, con người càng hối hận rằng mình đã đối xử với qui luật quá tự do. Qui luật là sự ràng buộc vô hình nhưng không cho ai chốn thoát (nên mới thành qui luật), không cho ai ăn gian . Một khi ta đã đi trật qui luật, rẽ vào lối sai thì sớm muộn gì cũng phải quay trở lại, giải đúng cái bài toán mà ta đã bỏ qua, dẫu sự bỏ qua ấy là cố ý hay chỉ là sự vô tình.

Một học thuyết nếu đã có sự sai lầm ở nơi gốc rễ, ở tư duy chiến lược mà không chịu sửa đổi chính sai lầm ấy, lại tìm cách bù trừ bằng sự khôn khéo ở trên ngọn, bằng sự tài tình chiến thuật thì chẳng những mất công vô ích mà còn bị qui

luật bắt phải trả giá, bởi tất cả những bù trừ ấy đều là bù trừ không thích đáng.

Một chân lý khi được phát hiện sẽ châm ngòi cho nhiều phát hiện khác kế tiếp nhau nảy nở theo phản ứng dây truyền, nên chân lý bao giờ cũng đơn giản nhưng lại phong phú và nhất quán. Trái lại một lý thuyết ngay từ đầu đã chệch thì càng suy luận, càng va chạm với thực tế sẽ càng bế tắc, mỗi lần bế tắc lại cần một kiến giải riêng cho thích hợp. Cuối cùng, khi tập hợp lại sẽ thành Thên kinh vạn quyển với đầy đủ mọi tình huống, không sót một kẽ hở nào, nhưng khi xem kỹ lại thì phần này phủ định phần kia, lúc nói xuôi, lúc nói ngược. Người nào áp dụng lý thuyết ấy sẽ mất tính tự chủ, lúc nào cũng phải mở cẩm nang tra cứu mà khi thất bại vẫn nghĩ là mình không theo đúng cẩm nang chứ cẩm nang thì câu nào cũng nói rồi.

Đã thuộc qui luật thì nhất định vấn đề gì chưa giải quyết nhất định nó vẫn quanh quẩn đâu đó thôi. Sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất vốn là một tồn tại tự nhiên, nhưng chúng ta dùng quyền lực để thủ tiêu nó. Thế là nó chui vào ẩn ngay trong quyền lực, từ đó toả ra, ngấm ngầm chiếm lấy mọi thứ tư hữu khác. Sau mấy chục năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, cái tư hữu tưởng đã chết mục xương ai ngờ bây giờ bầu đoàn thê tử của nó từ đâu chui ra đông thế, mà đều khoẻ mạnh cứ như thể vẫn được nuôi dưỡng trong lầu son vậy?

Lại đến chuyện thời sự về nhà đất. Nghĩ rằng, giấy rách phải giữ lấy lề nên ta phải giữ nếp của CNXH:đất phải là chung của quốc gia, ai bán sẽ nghiêm trị. Nhưng rồi chẳng ai thèm

ngạc nhiên khi thấy hai ngôi nhà hệt như nhau mà giá bán hơn nhau tới chục lần, vì lẽ một mét đất ở mặt tiền thì đắt gấp mười mét đất ở trong hẻm. Thế là dân vẫn chấp hành nghị quyết mà vẫn bán được đất. Nếu có ai hoạnh hoẹ gì thì người bán đất kia sẽ nhẹ nhàng đáp lại:Đất đai của vua Hùng để lại mà người ta mượn tiếng quốc doanh, người ta bán cả quả đồi cho nước ngoài lấy puộc boa đút túi còn chưa phải chuyện to, chứ tôi có bán mấy chục mét đất của bố tôi để lại cũng chỉ là bán cho bà con trong phố...

Cha ông chúng ta ngày xưa chắc ít khi nói đến chữ qui luật nhưng xem ra các cụ hiểu qui luật lắm.

Một anh chồng nọ nói khoác với vợ về một con rắn khổng lồ mà anh ta đã đo được bề dài chừng ấy, bề rộng chừng ấy hẳn hoi. Chị vợ biết chồng nói khoác bèn cứ lấy cái lẽ của đời thường mà tấn công vào cái chiều dài vô lý của con rắn. Anh chồng buộc phải lùi một bước,... một bước, rồi... lại một bước nữa, lùi mãi để con rắn ngắn bớt dần đi cho đỡ chướng. Mỗi lần bị tấn công anh lại lùi một chút, và lại cố tình nói cứng như đinh đóng cột, với hy vọng vợ sẽ chấp nhận cho. Nhưng đâu có được, cái lô gích của quiluật cứ phải chạy tiếp cho tới khi con rắn nói khoác phải vuông chành chạnh mới hết chuyện được.

Nghe chuyện con rắn vuông ấy mẹ tôi, lúc còn sinh thời, chỉ bình một câu:Thật khổ cái anh chàng cố đấm ăn xôi, biết vợ không tin rồi thì cứ nhận luôn một câu rằng : ừ, thì tôi cũng nói khoác với u nó một tý có phải là yên chuyện không?

Ôi, có phải cái tâm lý vừa lùi vừa cầm cự đến cùng trước qui luật kia lại cũng chính là một qui luật?

Ghi chú:

(1)K. Marx viết trong luận cương VIvề Feurbach

(2)K. Marx, viết trong Những người Tư sản và những người Vô sản

(3)Trần Đức Thảo, Vấn đề con người và chủ nghĩa lý luận không có con người, nxbTp Hồ Chí Minh 1988.

(4)V. I. Lenin, tuyển tập, nxb Tiến bộ Mãtcơva. tr. 306-315

(5)Đây là sự mô hình hoá cho một xã hội đang ở trạng thái cân bằng. Sự phân bố này luôn thay đổi, nhất là ở những thời kỳ có biến động xã hội. ở đây chưa thể trình bày kỹ hơn.

(6)Engels viết :Toàn bộ học thuyết Đấu tranh sinh tồn của Darwin chẳng qua chỉ là việc chuyển cái học thuyết cuộc đấu tranh của tất cả chống lại tất cả của Hobbes và học thuyết kinh tế tư sản Malthus từ xã hội loài người sang thế giới sinh vật. Một khi đã làm cái trò ảo thuật đó rồi thì có thể rất dễ chuyển một lần nữa những học thuyết về lịch sử của giới tự nhiên ấy thành lịch sử của xã hội loài người... (Biện chứng của tự nhiên, nxbSự thật, Hà Nội, 1971, tr500)

Stalin viết :Chủ nghĩa Darwin còn phủ nhận cả quan điểm phát triển, biện chứng, và cách mạng nữa!(Stalin toàn tập, quyển 1, tr, 309)

Trích từ cuốn Nguyên lý chủ nghĩa Darwin (khu học xá Trung ương, 1955):

- Dưới ảnh hưởng của những tư tưởng của giai cấp tư sản, Darwin thậm chí không muốn biểu lộ ra một ý nghĩ, hành động cách mạng nào (tr, 125).
- Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng mười đã đẻ ra LX... LX đã sáng tạo ra một môn khoa học mới :chủ nghĩa Dac Uyn

Xô viết, để cải tạo thiên tính của sinh vật một cách có kế hoạch, đẩy mạnh công cuộc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản... thực hiện kế hoạch cải tạo thiên nhiên Stalinvĩ đại!(tr, 17-18).

-Viện sĩ Lít -Xen -Cô cũng như Mít -Su Rin... đã hoàn thành được nhiệm vụ mà đồng chí Stalin đề ra... (tr, 225).

(7)Sismondi, Nouveaux pricipes d Economie politque.

(8)V, I, Lenin, tuyển tập tr, 306-390

(9)V, I, Lenin, toàn tập tập 27 nxb sự thật HN 1971 tr, 331-347.

(10)K, Marx F, Engels, tuyển tập, tập 1 nxb Sự thật HN 1970, tr, 49-50.

Hà Sỹ Phu

Đôi điều suy nghĩ của một công dân

IV

Suy nghĩ về tính cách Việt nam

Muốn hiểu được những gì trên đất nước ta, muốn có một dự đoán và một cách ứng xử thích hợp thì bên cạnh sự hiểu biết về những quy luật chung không thể không hiểu rõ những đặc điểm riêng của con người Việt - Nam. Để khỏi rơi vào những ý kiến chung chung vô bổ như dân ta vốn anh dũng cần cù, yêu chuộng hòa bình, chính nghĩa... , cần xem xét hành động và tính cách con người từ nguyên thủycủa nó, từ quá trình nhậ thức, từ xa về gần, từ người đến ta một cách đại lược.

1. Đông, Tây: hai con đường tới nhận thức, hai cách ứng xử

Sự vật vốn tồn tại như nó vốn có , cái vốn có bên trong ấy con người không thể trực tiếp nhận biết được. Muốn nhận thức phải dùng khoa học thực nghiệm để chẻ sự vật ra, cắt đứt một số mối quan hệ bên trong và bên ngoài của nó, thậm chí phải làm cho nó ngừng vận động... để quan sát, thử nghiệm. Đấy là sự phân tích, là bóp méo sự vật, đưa nó về phạm trù nhận thức tĩnh và siêu hình, để bắt buộc nó bộc lộ các thuộc tính bên trong, cung cấp cho ta những tri thức cụ thể, nhờ đó mà ta biết cách tác động vào nó, làm nó biến đổi theo hướng có lợi cho con người. Quá trình này, về tưduy là tĩnh , là siêu hình , nhưng về hành vi thì lại rất động, có tác dụng chinh phục tự nhiên để tạo ra của cải vật chất là

nhân tố căn bản tạo dựng các nền văn minh. Con người của thế giới Âu Tây mạnh về mặt này. Nhưng muốn có được quan niệm đúng về sự vật như nó vốn có thì bên cạnh quá trình dùng thực nghiệm để giải phẫu nó ra lại cần đến một quá trình khác, trong đó ta dùng tư duy để khâu các phần rời rạc lại, khử độ méo đi, cho nó vận động giữa các mối liên hệ tự nhiên của nó. Về tư duy như vậy thì rất động và biện chứng, nhưng về thái độ đói với tự nhiên thì lại tương đối tĩnh vì nó tôn trọng tự nhiên, con nhười tìm cách thích nghi với thiên nhiên để tồn tại hơn là cưỡng bức, chiếm đoạt. Hệ ứng xử này có lợi cho văn hiến, nhưng không có khoa học thực nghiệm làm cơ sở thì khả năng sáng tạo ra của cải vật chất theo nhu cầu ngày càng phát triển của con người lại bị hạn chế. Con người của thế giới A Đông mạnh về mặt này.

Hai lối tư duy, hai cách ứng xử khác nhau ấy có nguồn gốc xa xưa từ cuộc sống nông nghiệp (mà chủ yếu là trồng trọt) và cuộc sống du mục.

Từ nhận thức ấ ta có thể cắt nghĩa được những cách biệt trong tính cách Âu Tây và tính cách A Đông:

- Âu Tây ăn nhiều chất thịt, sôi nổi, hướng ngoại, ưa nguyên tắc, khúc chiết, biểu lộ, thích dùng sức mạnh, trọng võ, trọng nam tính, cứng rắn, duy lý, giỏi tổ chức, giỏi kỹ thuật và khoa học thực nghiệm, lập nên các triết thuyết giầu tính phân tích, siêu hình, cực đoan. Phương châm ứng xử là ở thế công, cốt ở phát triển: chọn lọc, loại trừ, cực đoan.

A Đông ăn nhiều rau quả, ngũ cốc, trầm lắng, hướng nội, ưa linh hoạt, tùy tiện, thích dùng tình cảm, trọng văn, trọng nữ tính, mềm mỏng, duy cảm, giỏi thuyết phục, giỏi về thơ, giỏi

toán và các khoa học trừu tượng, lập nên các triết thuyết giầu tính tổng hợp, biện chứng, trung dung. Phương châm ứng xử là ở thế thủ, cốt ở bảo tồn: dung nạp, nhu thuận, trung dung.

Tóm lại có thể thấy một điều kỳ diệu là tính âm dương bao trùm hết mọi phạm vi, mọi sự vật:

- Về hai nền sản xuất khởi nguyên thì nông ngiệp là âm, du mục là dương.
- Về thế giới thì phương Đông là âm, phương Tây là dương.

Âm dương cân bằng trong mỗi con người, âm thì tĩnh, dương thì động.

Người Tây Au có tư duy tĩnh thì hành vi lại động, người A Đông có tư duy động thì hành vi lại tĩnh. Rõ ràng rằng sớm muộn gì Đông Tây cũng phải kết hợp thì Âm Dương mới hài hòa, quá trình nhận thức mới hoàn chỉnh, tư duy và hành động mới cân đối, văn minh với văn hiến nương nhau mà đi lên.

Tôi nghĩ rằng đối với xã hội thì luật âm dương có tính nhân bản và biện chứng hơn luật mâu thuẫn. Theo luật âm dương thì không có gì hoàn toàn âm hoặc hoàn toàn dương, trong âm có dương, trong dương có âm, âm dương tuy đối lập mà gắn bó mật thiết và chuyển hóa lẫn nhau, nghĩa là giữa âm và dương không có đối kháng. Trong xã hội có cực thống trị là dương, cực bị trị là âm, quan hệ giai cấp ấy đúng là quan hệ âm dương chứ gì nữa? Người A Đông nói Âm dương hòa, vũ trạch giáng (Âm dương hòa quyện thì mưa rơi thuấn nhuần muôn vật), mâu thuẫn nhau như thiên với địa mà nhiều lúc còn hòa được, huống chi nhân với nhân sao lại có

mối quan hệ nhất thiết phải một mất một còn? Quan điểm giai cấp đối kháng có phần xa lạ với triết lý phương Đông chúng ta.

Nhưng âm dương có thể hòa chứ không thể đồng, dương vẫn là dương, âm vẫn là âm. Đảng một mặt tự xác định mình là người lãnh đạo xã hội, mặt khác lại nói Đảng với dân là một thì về mặt triết lý không được ổn lắm.

Cách trình bày đối lập hai hệ thống tính cách Đông và Tây như trên chỉ là sự điển hình hóa, quy về dạng nguyên mẫu để dễ nhận thức, nếu hiểu nó một cách máy móc thì lại là bóp méo sự vật. Trên thế giới luôn có sự giao lưu tính cách, và trong mỗi hệ tính cách đã mang sẵn những mầm mống để tự bù trừ rồi. Ngày nay nữ có thể đấu bóng, đấ quyền Anh, có thể được môn thể dục thể hình làm cho bắp thịt nổi lên cuồn cuộn, có thể làm đại tướng... nhưng không phải vì thế mà quan niệm nữ là âm, nam là dương không còn đúng nữa.

Trung Quốc là nước có nhiều ảnh hưởng đến Việt Nam về tính cách nhưng miền Nam Trung Quốc có gốc nông nghiệp như Việt Nam, còn miền Bắc Trung Quốc (phía Bắc Hoàng Hà) lại có gố du mục như phương Tây, giữa hai miền đã có giao lưu lâu đời nhưng sự khác biệt từ nguyên thủy ấy vẫn còn rõ nét và tính cách miền Bắc có phần ưu thế.

2. Tìm hiểu thêm về đạo Trung dung

Trung dung là luận thuyết của Khổng tử về phép xử thế, được đời sau chép lại, nhưng tính phổ biến của nó đến mức người dân tâm thường cũng áp dụng nó rồi và tính uyên thâm thì bậc thánh nhân cũng chưa chác hiểu hết , trong đó

Khổng Tử đã phác ra cái quy luật ứng xử thích hợp với con người A Đông. Người Việt ta bây giờ ít ai đem sách Trung dung ra học, nhưng có biết đâu chiónh mình ít nhiều đã làm theo sách rồi.

Trung bất thiên, dung bất dịch! : Trung là không thiên lệch, dung là không đổi dời. Tránh thái quá và tránh bất cập. Nhưng lấy gì làm chuẩn để phân định. Khổng Tử đưa ra hai tiêu chỉ: Đạo và Đức. Theo Khổng Tử thì Đạo là lẽ Trời vốn có, không thể làm sai, bởi làm sai được thì đã không gọi là Đạo. Như vậy Đạo chính là cái mà bây giờ chúng ta gọi là quy luật tự nhiên hay là tồn tại khách quan . Đức là cái cốt cách bên trong con người mà con người phải dùng nó để hành đạo , tức là để sống cho đúng quy luật của tự nhiên và xã hội. Ông cho rằng tron g cốt cách có ba phẩm chất quan trọng là Nhân, Trí, Dũng. Ấy cũng là cái cốt cách quân tử kiên định giầu sang không dâm dật, nghèo hèn chẳng đổi lòng, trước uy vũ không khuất phục. Và nếu ứng xử không thành công thì hãy coi lại mình, như kẻ bắn cung, bắn không trúng thì phải xem lại mình, chứ không oán trời, không trách người. Khổng Tử khẳng định khả năng cá nhân và trách nhiệm cá nhân. Nhưng khẳng định tính khách quan của quy luật lại đồng thời với khẳng định^ý chí chủ quan thì sẽ là duy ý chí, là phi biện chứng và sẽ thất bại nếu không thjêm vào đó một yếu tố thứ ba là quan điểm thực tế và chiến lược mềm dẻo: lúc giầu sang thì xử sự theo cảnh giầu sang, lúc nghèo hèn xử sự theo cảnh nhgèo hèn, khi hoạn nạn xử sự thích hợp với cơn hoạn nạn, khi bị đẩy vào nơi man di thì hành động thích hợp với xã hội man di. Khổng Tử chấp nhận

một chiến thuật mềm dẻo đến cao độ.
Tóm lại:
- Trung dung không phải là phương châm của kẻ yếu không dám cực đoan, mà của người có bản lĩnh và có sức mạnh, có khả năng chống lại sự xô đẩy của các yếu tố vô đạo bên ngoài, chống lại sự lôi kéo của hỷ, nổ, ái, lạc... bên trong, để không bị nghiêng ngả.
- Trung dung không phải là thái độ cầu an, trôi theo dòng đời mà là thái độ của người biết thuận thiên hành đạo , nương theo quy luật để thực hiên lý tưởng mà mình ôm ấp.
- Trung dung không phải là thái độ hủ nho bảo thủ hay tiết tháo dởm, mà là thái độ rất động, mềm dẻo thích ứngvới thực tế.
- Trung dung không phải là đứng giữa theo kiểu dàn hòa, hay thái độ trung bình ba phải , mà là đứng giữa điểm chuẩn , được xác định bằng cách đối chiếu với quy luật khách quan và năng lực chủ quan. Điểm chuẩn ấy, theo Khổng Tử thì những người có lý trí thường đi vượt quá, còn những kẻ ngu dốt thì lại chưa đạt tới. Khổng Tử có đứng giữa là đứng giữa một bên thái quá là kẻ trí thức hoang tưởng vĩ cuồng, mới biết nửa chừng đã tưởng được Trời trao một sứ mệnh độc quyền xoay vần thiên hạ, với một bên bất cập là đám thứ dân vô tri vô trách, như đàn cừu chỉ biết cúi đầu mong gặm được nhiều cỏ non, chẳng biết gì đến đạo lý thăng trầm, quốc gia hưng phế. Chí lý vậy thay!
Tiếc rằng phương pháp ứng xử khoa học, nhân bản và tích cực ấy của khu hệ văn hóa Nam Trung Quốc khi di nhập lên miền Bắc, mà gốc là văn hóa du mục, đã bị tầng lớp thống

trị ở đây cải biến thành công cụ tư tưởng để dẹp yên sự phản kháng của dân chúng. Mặt tích cực vì thế đã mất đi nhiều. Đến khi tư tưởng Trung dung di nhập xuống Việt Nam thì màu sắc tiêu cực của nó lại được tô đậm thêm một tầng nữa.

3. Mấy suy nghĩ về tính cách Việt Nam

Việt Nam là nơi thể hiện khá đầy đủ tinh cách A Đông mà các phần trên đã mô tả. Nhưng để thích nghi với lịch sử đặc biệt của một nước nông nghiệp lạc hậu, nằm cạnh một nước quá lớn, bị hơn nghàn năm đô hộ, một số tính cách A Đông nói chung kia đã bị Việt Nam hóa theo hướng thích nghi bằng mọi giá để tồn tại, để khỏi bị tiêu diệt, nổi bật là ba tính cách sau đây:

a. Mạnh về nghĩa hợp quần , yếu về ý thức xã hội

Hợp quần để chống lại kẻ thù xâm phạm bờ cõi, đó là bản năng tự vệ sẵn có từ khi còn là bầy đàn. Từ bẳn năng sống đàn và phản xạ tự vệ nâng thành tình cảm, đạo đức. Từ tình cảm gia đình, tinh yêu quê hương, làng xóm, mở rộng thành lòng yêu nước tthương nòi. Tuy đã có ý thức nhưng ý thức chỉ đóng vai trò thứ yếu. Quan hệ nòi giống, quan hệ xã hội có xu hướng gia đình hóa: cả nước đều là ruột thịt vì sinh từ trăm trứng của một mẹ Âu Cơ, các công dân gọi nhau là đồng bào , tướng và quân gắn bó một lòng phụ tử , coi nội chiến là huynh đệ tương tàn, nước thì gọi là nước nhà , chính phủ thì gọi là Nhà nước , trong giao tiếp xã hội ưa gọi nhau là anh em, chú cháu, cô cháu, mẹ con, cả dân tộc gọi Chủ tịch nước là Bác . Trong những giai đoạn lịch sử nhất định, đặc điểm này tăng thêm sức mạnh cho dân tộc Việt Nam.

Ý thức xã hội lại là một vấn đề khác hẳn. Trước hết đó là vấ đề của nhận thức, của lý trí, là sự giác ngộ về quan hệ của con người và xã hộ, về quan hệ giữa các cá nhân như n hững thành viên độc lập, bình đẳng. Ý thức xã hội là nhân tố tối quan trọng của một xã hội văn minh, công nghiệp và pháptrị. Những con người lá lành đùm lá rách , nhiễu điều phủ lấy giá gương có thể lại không biết cách hợp tác với nhau một cách hữu hiệu trong xã hội mới, thậm chí người này chỉ làm yếu người kia đi. Một người Việt Nam có thể giỏi hơn một người châu Âu, hai người Việt Nam thì kém hai người châu Âu, ba người Việt Nam thì kém... một người châu Âu!. Lối so sánh có vẻ khôi hài đó đã lột tả một tính cách Việt Nam đang và sẽ gây trở ngại không nhỏ cho công cuộc phát triển đất nước, mà khônh dễ gì khắc phục trong một sớm một chiều. Trong lĩnh vực kinh tế - xã hội thì tinh thần cứu quốc lại bị lãng quên, chỉ lo tự cứu , không biết rằng khi xã hội chuyển mình thì mỗi con người đều được ban tặng những lợi ch vô giá mà mỗi cá nhân không bao giờ tự tạo ra được.

Nghĩa hợp quần gắn với quan hệ gia đình, làng xóm, lấy sức mạnh ở tình cảm, quen duy cảm, tẳn mạn, tùy tiện, chín bỏ làm mười , coi một bồ cái lý không bằng một tí cái tình , thích nghi với sản xuất nông nghiệp, với nền đức tri .

ý thức xã hội lấy xã hội làm trọng, lấy sức mạnh ở lý trí, quen duy lý, ưa nguyên tắc, chính xác, sòng phẳng, thích nghi với sản xuất công nghiệp, với nền pháp trị vàkinh tế thì trường.

Sự chuyển tính cách từ trạng thái nông nghiệp sang trạng

thái công nghiệp là sự phát triển tất yếu của mọi xã hội, nhưng ở nước ta sự chuyển biến ấy rất dai dẳng vì có sự cộng hưởng của ba nhân tố:
- cội nguồn văn hóa của ta đã là văn hóa nông nghiệp (chứ không phải văn hóa du mục);
- tình trạng bị lệ thuộc vào chinh chiến liên miên;
- có sự du nhập của chủ nghĩa xã hội khoa học ;
Cả ba yếu tố ấy đều đồng hóa vào trong chủ nghĩa yêu nước . Đáng chú ý là chủ nghĩa xã hội khoa học xâm nhập vào nước ta lại củng cố cho yếu tố nông nghiệp , yếu tố nông dân của tính cách Việt Nam như: tính chất cảm tính, tùy tiện, gia đình, gia trưởng...
Khẩu hiệu Yêu chủ nghĩa xã hội là yêu nước, yêu nước phải yêu chủ nghĩa xã hội và khái niệm Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đã minh chứng cho nhận định trên. Vượt lên trên mọi sự tranh giành giai cấp, vượt qua mọi thể chế, Tổ quốc chúng ta bao giờ cũng là Tỏ quốc Việt Nam thôi! Ta gọi những đồng bào ta ở nước ngoài muốn đem sức người sức của về xây dựng đất nước là Việt kiều yêu nước nhưng họ có yêu chủ nghĩa xã hội đâu? Nếu ta chuyển cả Tổ quốc thành Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì những đồng bào yêu nước ấy còn đâu nước để mà yêu? Tôi tin rằng sẽ có ngàychúng ta làm lễ trả lại tên khai sinh cho Tổ quốc là Tổ quố Việt Nam, thì sức mạnh của người sẽ tăng lên gấp bội, những con dân nước Việt sẽ rưng rưng nước mắt, nắm chặt lấy tay nhau mà reo hò.
b. Đạo Trung dung bị hạ xuống thành phương châm Yên thân, Nhẫn nhục

Các giai cấp thống trị ở Trung Quốc và Việt Nam nhận thấy ngay giá trị của đạo Trung dung, bèn rút bỏ đi cái lõi của nhân sinh quan tích cực, chỉ giữ lại cái vỏ trung bình chủ nghĩa , tô đậm thêm nước son nhân, trí để nó thành phương châm sống khôn ngoan và đức độ (mà kỳ thực chỉ là sự nhẫn nhục, yên thân) rồi nhồi vào đầu, vào miệng đám dân bị trị. Món ăn chẳng những vô bổ mà còn có hại này được chế biến rất hợp khẩu vị nên dược cơ thể bị trị đồng hóa ngay.

Lúc đầu Đạo Trung dung chưa đến nỗi bị sụp xuống ngay thành Đạo của thằng hèn là nhờ còn có yếu tố Chính danh và Quân tử. Nhưng rồi Chính danh và Quân tử cũng chỉ sống thoi thóp được trong đám sĩ phu, có học, c2n giữ tiết tháo. Khong giữ được thành, không hoàn thành trách nhiệm thì uống thuốc độc tự tử! Về mặt nào đó thì hành động như thế không phải là hoàn toàn tích cực, nhưng thà như thế còn đáng là con người hơn bọn đầu hàngchứ, còn hơn bọn chạy cho thoát thân rồi khôn khéo chạy tội hoăc bày trò nhậ lỗi qua quít để lại được ngồi ghế cao hơn! Nhưng những con người còn biết tự vẫn vì xấu hổ ấy cũng chỉ là những kẻ tử thủ cuối cùng cố giữ cho thành trì đạo đức khỏi sụp đổ. Quy luật đào thải không thương gì. Cuối cùng người dân thường đã chận sự thật cay đắng: Trong một xã hội hai ba tầng nô nệ thì ai cho mình lương thiện mà đòi lương thiện? Không có nhân cách thì sống, có nhân cách thì chết! Và cuộc sống không thể chọn mãi cái chết! Khi cơm chưa đủ ăn và tính mệnh còn bị đe dọa thì dân chủ và nhân cách còn là những thứ quá ư xa xỉ. Hãy phải tìm mọi cách để sống cái đã!

Trung dung có nghĩa mới là: cứ chui vào giữa cho yên thân: Khôn độc không bằng ngốc đàn! Cứ đứng giữa đàn ngốc mà sống còn hơn! (lại được tiếng là co tinh thần tập thể nữa chứ?). Những lúc ăn cỗ thì phải đi trước , lúc lội nước thì phải đi sau !

Và đạo đức mới là phải biết đầu hàng:

Ai nhất thì tôi thứ nhì,

Ai mà nhất nữa tôi thì thứ ba

(nghĩa là nếu các anh đều muốn nhất cả thì sẵn sàng đứng thứ bét!)

Từ Trung dung vô nguyên tắc đến phản Trung dung cũng chỉ là một, đều là từ bỏ cái Trung dung quân tử mà sang chủ nghĩa cực đoan duy an , duy lợi .

Đến khi chữ Quân tử trong thực tế chỉ còn tác dụng làm trò cười:

Quân tử nhất ngôn!

Chứ đâu Quân tử sờ l... hai tay?

thì có nghĩa là con người đã giơ cả hai tay để đầu hàng, và cái lưu manh đã lên ngôi chính thống.

Giữa cơn ngột ngạt bế tắc của cuộc đời mấy tầng nô nệ ấy, tinh thần cứu quốc bất tử của dân tộc đã liên minh với chủ nghĩa Mác- Lê, trở thành quân đội cứu viện chẳng những cho độc lập dân tộc mà còn cứu cho đạo đức xã hội. Người ta hướng về một...

Nước Nga có chuyện lạ đời,

Đưa người nô lệ thành người tự do!

Và con người tâm linh Việt Nam đã chuyển sang sống một cuộc đời thanh thoát, ít nhất cũng tới khi bắt đầu có cuộc

Cải cách ruộng đất. Nười dân Việt đã rời bỏ chủ nghĩa Trung dung lưu manh đầy bế tắc để tiến lên hàng đầu trong cuộc đấu tranh giành tự do cho giống nòi trong nhịp Tiến quân ca. Nhưng rồi người ta thấy có triệu chứng là con đường tới tự do không thênh thang như tưởng tượng, phía trước còn mù mờ lắm. Không biết các nhgà văn nước ta coi những tác phẩm nào là dự báo cho triệu chứng đó, còn tôi thì nhập tâm ngay mấy câu thơ Bút Tre này:

Thi đua ta quyết tiến lên,
Tiến lên, ta quyết tiến lên hàng đầu!
Hàng đầu... rồi... tiến về đâu?

Tiến về đâu? Cái dấu hỏi lớn quá! Cái dấu hỏi mà bọn trẻ con vẽ nguệch ngoạc lên tường ngày đó, đến hôm nay vẫn chưa ai xóa được!

... Và thế rồi, thế rồi cái thứ chủ nghĩa Trung dung lưu manh ngày trước nay lại ló đầu về tìm đất kiếm ăn, nghe chừng phất lắm.

Nhưng chúng ta có lý do để nén đi một tiếng thở dài, bởi tính hướng thiện của con người Việt Nam có khả năng tự cứu mình ra khỏi lưu manh, khả năng ấy chẳng phải đã hơn một lần được lịch sử chứng thực đó sao?

c. Chống Chính Thống bằng con đường không chính thống

Trong một xã hội mấy tầng nô nệ thì cái chính thống nào cũng là gông cùm đối với kẻ bị trị. Tầng lớp bị trị không chống lại nổi gông cùm đó vì hai lẽ: trước hết cái chính thống ấy có bạo lực hộ tống, lẽ thứ hai nguy hiểm hơn là giai cấp thống trị nào cũng biết cách gán ý đồ của họ cho kẻ bị trị, biến tư tưởng của kẻ thống trị thành tư tưởng chung của

xã hội. Và cuối cùng thì sự thể lại rất trớ trêu: Tôi trói tay anh là theo nguyện vọng của anh đấy! Tôi trói anh thế này cũng là mong anh sớm được sung sướng, chỉ ngày mai là anh sẽ thấy dễ chịu ngay thôi!. Và cách nhân danh rất nhân đạo ấy đã khiến cho không ít tên lính xâm lược viễn chinh cũng cứ tưởng mình đang lãnh sứ mệnh đi khai hóa cho dân bản địa!

Muốn chống lại kẻ thù ấy người bị trị có thể dùng vũ khí phê phán và phê phán bằng vũ khí , nhưng cả hai thứ vũ khí chính thống ấy kẻ thống trị thông minh đã cướp mất rồi.

Trong trường hợp bị tước hết vũ khí ấy người Việt mình có món võ rất hiểm mà lại đỡ tốn sức: Võ Trạng Quỳnh!

Trạng Quỳnh chẳng bao giờ dám công khai chống lệnh Chúa, ngay cả khi Chúa ngang ngược sai lính đến đại tiện ra nhà Trạng. Nhưng Trạng láu cá đến mức cuối cùng làm cho Chúa phải xơi cả sản phẩm của cái buổi đại tiện kia, tức muốn trào máu mà không bắt tội Trạng được.

Dân không chống nổi Chúa, vẫn ngoan ngoãn Muôn tâu Chúa thượng nhưng trả thù Chúa bằng những mẩu chuyện Trạng Quỳnh thì đó đã là ngón võ rất Trạng Quỳnh rồi. Đất nước mình nhiều Trạng lắm, cả Dân lẫn Chúa đều ở trong lò võ của Trạng mà ra. Thuở bé đdọc Trạng Quỳnh tôi rất thích thú, nhưng lớn lên đọc lại, tôi vừa thương dân tộc mình vừa ngượng, nghĩ rằng cả một dân tộc Trạng Quỳnh sẽ đi tới đâu?

Chấp nhận ngay cái chính thống và ra vẻ tuân lệnh, nhưng tìm cách vô hiệu hóa nó một cách không tuyên bố, một cách không chính thống, chỉ cốt sao đạt được ý đồ riêng. Cả nước

bề ngoài vẫn nói một lời thống nhất nhưng mỗi người có thâm ý của mình. Chúa thua trong cái vỏ vẫn oai nghiêm, Trạng thắng trong cái vỏ vẫn là bầy tôi ngoan ngoãn, bởi thắng thua đều ở chuyện khôn vặt. Mẹo cù nhầy có thể làm cho sinh vật sống dai như đỉa, nhưng không thể tiến hóa được.

Thế giới sinh vật đã cho ta những ví dụ rất rõ về vấn đề này. Con đường tiến hóa là: Sinh vật đơn bào phải đa bào hóa, trên cơ sở đa bào hóa mới phân tách thành các cơ quan khác nhau, giữa các cơ quan ngày càng có sự phân công rành rọt nhưng ngày càng có sự phân công chặt chẽ bởi sự chỉ huy ngày càng tập trung của hệ thần kinh. Cứ thế mà tiến hóa từ thấp lên cao, và cuối cùng xuất hiện loài người chúng ta.

Nhưng có những sinh vật đơn bào không đi vào con đường đa bào hóa mà thích nghi bằng cách tu sửa vặt , bổ sung vặt khiến cho bên trong cái tế bào duy nhất của nó cũng có sđủ thứ như một cơ thể đa bào: có một chút tượng trưng cho tim , một chút tượng trưng cho dạ dày , một chút thận , một chút giác quan , một chút thần kinh , một chút chân tay ... Chúng kéo dài cái cấu trúc cổ lỗ ấy suốt mấy triệu năm, và vĩnh viễn không thể gia nhập vào con đường tiến hóa chung được nữa. Nếu chỉ lấy sự sống chết để đo mức độ tiến hóa thì những sinh vật đơn bào ấy hẳn là cao hơn con người nhiều, vứt ra bất cứ cống rãnh nào chúng cũng sinh sôi.

Điều kiện để có sự tiến hóa là phải có nguy cơ bị tiêu diệt: Nếu không tiến hóa nó sẽ bị diệt vong trong cuộc đấu tranh sinh tồn! Sự tu sửa vặt chính là giải pháp giúp cho sinh vật

lách qua được cuộc đấu tranh sinh tồn khắc nghiệt, vượt qua nguy cơ bị tiêu diệt mà không cần đến con đường chính thống, nhưng chính sự thành công này đã tách nó ra xa con đường chung và không tiêén hóa cao hơn được nữa.

Ba tính cách trên đã giúp cho dân tộc Việt Nam cũng như mỗi người dân Việt vượt qua lịch sử kinh hoàng và sống sót đến hôm nay, ơn cứu mạng ấy đâu phải là nhỏ? Nhưng chúng ta đã phải trả giá cho chúng bằng sự tha hóa con người, tha hóa dân tộc! Trả giá bằng sự lưu manh hóa, không phải lưu manh theo nghĩa thông thường, mà là lưu manh lịch sử !

Ba tính cách ấy đã rút mất đi khỏi con người chúng ta cái bản chất giản đơn cương trực, cái Quân tử, Chính danh, cái nhân tính dám đương đầu với cái chính thống phi lý, và nhất là tính triệt để, cực đoan, vố là nhân tố không thể thiếu đêẻ có nhận thức lý luận, để có tư tưởng mà chỉ để lại cho chúng ta một con tim đa cảm, thổn tzức nhưng nhiều khi mù lòa, và bên cạnh chiếc bao tử bị đói kinh niên! Tôi không nghi ngờ gì về kết luận rằng dân tộc mình thông minh và nhiều người có chí, nhưng chưa thể có nhà tư tưởng, chưa thể có triết gia chừng nào ba tính cách trên còn bám chặt được vào con người Việt Nam! Ta vượt qua nguy cơ diệt vong không phải bằng sự khẳng định một bản sắc riêng bất tử, mà bằng cách không khẳng định bản sắc riêng nào cả, cứ nhặt nhạnh, vá víu mỗi thứ một tý, cái gì tiện dùng được thì dùng, có người đã gọi nó là chủ nghĩa đại tiện dụng ! Chủ nghĩa ấy là con đẻ tất yếu của ba tính cách Việt Nam nói trên. Không dám dũng cảm nhìn nhận và phê phán điều ấy, mà cứ tự

xoa vuốt mình thì dẫu trở nên người giầu có nhất vùng cũng không vượt khỏi tầm một anh trọc phú hãnh tiến, tự đắc.
Nhưng từ bỏ ba tính cách ấy đi thì có thể chết, và nguy cơ có thể chết chính là cái giá phải trả để có tiến hóa! Muốn có mẩu bánh mì cho vào bao tử còn phải trả tiền, huống hồ cả một nhân cách trí tuệ củ một dân tộc, là thứ hàng xa xỉ nhất của tạo hóa mà tạo hóa lại phát không cho ta được sao?
Bàn về tính cách A Đông hay tính cách Việt Nam cần nhận rõ đâu là sự khác nhau thực sự về tính cách, và đâu chỉ là đặc điểm do tình trạng hậu tiến, đâu là truyền thống tốt cần phải giữ, đâu là mặt yếu của truyền thống nên bỏ, và đâu là mặt tốt của tính cách Âu Tây mà ta nên học để nâng cao thêm tính cách của mình.

Hà Sỹ Phu

Đôi điều suy nghĩ của một công dân

V

Tản mạn quanh lối ra

Tôi viết bài này chính từ mặc cảm tội lỗi, tội lỗi của cá nhân, của thế hệ, của giống nòi, mặc cảm bị lưu manh hóa . Những thế hệ con cháu sau này sẽ hiểu chúng ta là những người thế nào, khi chúng thấy chúng ta đã chung sống với cái phi lý, cái lưu manh một cách hòa thuận đến thế? Nhưng lưu manh đâu chỉ là cái nằm bên ngoài mình? Nó đang nằm trong cả những người cầm bút dấn thân nhất.

Tôi cố gắng thoát ra khỏi tội lỗi bằng cách nói thẳng, nói thật hết lòng, nhưng thỉnh thoảng cái thói xấu nói vòng vo Tam quốc, cái thói che chắn từ trong tiềm thức vẫn hiện ra bất chợt. Nếu viết theo lối chửi đổng hay nói bóng nói gió thì khối cuốn chuyện nói chạm tới cả Thiên đình cũng chẳng ai bảo sao, nhưng mở miệng nói với nhau một lời nghiêm túc cho tới nơi thì sao mà khó thế? Cái phi chính thống thì cửa chính thống nào nó đi cũng lọt, mà cái chính thống lương thiện thì bị chặn ngay từ cửa ngoài! Nhưng tôi vẫn tin ở mặt lương thiện của xã hội, vì dù có đi quanh co mãi trong mê lộ thì cửa ra cuối cùng của xã hội ngày nay không thể là gì khác hơn là phơi bày hết sự thật, tin cậy lẫn nhau, mở lòng ra đón nhận sự thành tâm từ mọi phía.

Tôi hình dung ra một cảnh tượng như sau: Cả đoàn người đang đi trên một con đường lớn gập ghềnh thì một tốp người

tách ra, đi quay trở lại, vào rừng tìm hướng đi mới, vì nghe nói phía ấy có rừng mơ bạt ngàn. Tốp này tuyên bố ly khai thành một phe riêng, thách thức Ai thắng ai vì tin rằng mình có sứ mệnh phá con đường cũ để mọi người phải giác ngộ mà đi cả về phía rừng mơ . Nhưng đường mới càng đi càng mờ mịt, càng đi về miền hopang vu. Biết mình lầm đường, những người da trắng trong tốp ly khai này bảo nhau làm động tác Đằng sau, quay! để trở lại đường cũ, và đương nhiên phải chấp nhận sự xáo trộn là người đi đầu trở thành người đi cuối. Nhóm da vàng của tốp ly khai không chấp nhận sự xáo trộn ấy, ban lãnh đạo nhóm nghĩ ra một kế: Cứ coi như đường vẫn đúng, phải giữ hàng ngũ và tiếp tục đi thẳng , nhưng mỗi ngày lượn cong thêm một chút, cuối cùng quỹ đạo vẫn thành vòng tròn, vẫn trở về đường cũ mà không cần Đằng sau, quay!

Tóm lại, Phương thức đổi mới kiểu châu Á là ý muốn trở về với quy luật mà nội bộ vẫn giữ nguyên trật tự cũ, người dẫn đường trên đoạn đường đúng vẫn là người dẫn đường trên đoạn đường sai. Không đổi mà đổi, đổi mà không đổi. Vô hiệu hóa cái chính thống bằng cái phi chính thống, dùng phi quy luật để vô hiệu hóa quy luật, chính thống hóa cái phi chính thống, và chính thống hóa ra phi chính thống... Cái quỹ đạo vòng tròn ấy là vòng tròn kỳ ảo, và một khi đã hình thành thì nó sẽ biến ảo khôn lường.

Tôi không quan tâm lắm đến trật tự nội bộ bởi khi con đường đã thông suốt thì cả đoàn người đều đi, người này năm bảy bước thì người kia có chậm cũng đi được một bước.

Nhưng có hai vấn đề chung rất đáng quan ngại:

a. Một hình thái Kinh tế - Xã hội mà hạ tầng là Kinh tế thị trường và thượng tầng là Xã hội chủ nghĩa thì cùng một lúc xã hội chịu sự chi phối của hai cơ chế ngược nhau, lúc nào cũng chỉ rình để phủ định nhau, và nếu kết hợp với nhau thì còn nguy hiểm hơn. Người dân nghèo thấp cổ bé họng sẽ bị cả hai cơ chế ràng buộc, kẻ có quyền có tiền sẽ lợi dụng được cả hai cơ chế để chơi trò bật tường hoặc trò ú tim , lúc núp dưới cơ chế này, lúc núp dưới cơ chế kia, không luật pháp nào trị nổi. Quốc doanh và sở hữu là những lĩnh vực điển hình. Sự phân hóa giầu nghèo, sự hình thành giai cấp vô sản, nạn thất nghiệp và bóc lột lao động làm thuê... nghĩa là tất cả những cái mà chủ nghĩa xã hội khoa học muốn tránh thì chúng lại đang lù lù tiến đến mặc dù ta không muốn công nhận. Đáng chú ý nhất là sự sử dụng Quyền lực chuyên chính vô sản và Cơ chế xã hội chủ nghĩa để tích lũy Tư bản, đây là điều cực kỳ bất lợi cho người lao động nghèo, trước hết ở các lĩnh vực phi nông nghiệp, sau sẽ lan đến lĩnh vực nông nghiệp. Người lao động nghèo sẽ có cảm giác mình là đấu thủ đã yếu lại bị trọng tài giữ tay (!), là đứa con bị chính bố mình trói lại để cho thằng hàng xóm đánh túi bụi (!). Đang đi đến tình trạng: người đứng ra đại diện cho công nhân lại là người của phía chủ (đây là chủ thực, còn công nhân chỉ là chủ danh nghĩa). Cuộc cách mạng bị đánh tráo và giai cấp vô sản tay trắng là giai cấp bị phản bội trước tiên.

Điều rất đúng với quy luật biện chứng là khi chúng ta định dùng chuyên chính vô sản để đánh tư bản mà không đánh được thì con người sẽ dùng ngay chuyên chính vô sản làm

phương tiện để lách qua cửa ải tự do cạnh tranh để trở thành tư bản! Và nếu dự cảm ấy sẽ thành hiện thực thì công lao của học thuyết về chủ nghĩa xã hội là đã cung cấp cho nhân loại thêm một con đường để tư bản hóa, một thứ tư bản lưu manh và bệnh hoạn!

b. Hậu quả về Văn hóa Xã hội còn đáng ngại hơn nữa. Vì khi vỏ một đằng, ruột một nẻo thì dẫu mục đích có thiện chí đến đâu, về biện pháp đó vẫn là sự nói dối, ngụy trang. Và khi nói dối lại nằm ở tầng quốc sách thì tác hại của nó với xã hội không thể lướng hết được. Trong quốc nội cũnh như trên diễn đàn nhân loại, những tiếng nói nhân bản tiên tiến và trí tuệ đích thực sẵn sàng bị hy sinh bởi nó thường vi phạm tới sự an toàn của quốc sách ngụy biện, ngụy trang ấy. Kiếm thêm bạn bè, vây cánh để làm ăn, để làm giầu là điều rất cần nhưng cũng không khó lắm đối với một nước như nước ta. Cái khó nhất là trở nên một dân tộc văn minh, được những người có nhân cách kính trọng và điều này không phải ta cứ lớn tiếng tự nhận là được.

Khi xã hội đã vỏ một khác, ruột một khác thì mỗi con người, trong những quan hệ cha con, mẹ con, vợ chồng, đồng chí , bè bạn... cũng sẽ vỏ một khác, ruột một khác ! Cái giá quá đắt để mua sự yên ổn và sự sinh tồn ấy con cháu chúng ta đang phải trả và sẽ còn phải trả! Và nếu trong muôn một, đó sẽ là sự ngã giá lịch sử không thể khác thì thế hệ đấy lầm lỗi của chúng ta chỉ còn một câu để nói với mai sau: Các bạn đều đã có máy khâu, tủ lạnh, tivi, nhiều người có xe hơi, nhà lầu... nhưng trước lịch sử con người, dân tộc mình là kẻ thua, điều bất hạnh này các bạn là những người phải lãnh đủ! Các

bạn hãy đến tận mộ chúng tôi mà nguyền rủa, rồi về bảo nhau tu tỉnh mà rửa nỗi nhục của cha ông để lại!...

Người Nhật bản do biết xử lý cái mặc cảm thất trận của mình mà trở nên một dân tộc đáng kính. Biết nhục không phải là điều đáng sợ, trái lại, khi nói về dân tộc mình, không hiểu sao tôi cứ rùng mình ghê sợ trước một thái độ hơn hơn tự đắc.

Hôm nay, giữa kỷ nguyên của thông tin không thể có Nguyễn Trường Tộ đơn độc, và càng không có Tự Đức cổ lỗ. Số người nhận thức được rằng tình hình đã chín muồi cho sự từ bỏ lý thuyết Marx - Lénine và chủ nghĩa xã hội đầy ảo tưởng và phi khoa học hiện nay đã không còn là con số ít ỏi nữa. Bộ phận lãnh đạo lại càng có nhiều thông tin hơn. Vấn đề chỉ còn là cân nhắc để chọn một lối ra , vấn đề nằm ở nơi tâm lý, động cơ, quyền lực hơn là ở nhận thức.

Nhưng nói như vậy không phải rằng trên mặt trận tư tưởng và tâm lý xã hội không còn những hiện tượng phức tạp: Có những chiến sĩ vẫn thản nhiên nằm dưới hầm cá nhân chờ lệnh phản công, trong khi đại quân trên mặt đất đã rút đi gần hết, chỉ để lại một số tay súng bắn yểm trợ cho cuộc rút được an toàn, và cũng có những anh lính cố tình nán lại chỉ cốt để nhặt chiến lợi phẩm!

Số đông nhân dân thì đã ngoài tai mọi chuyện chính trị tư tưởng , xã hội có trở thành cái gì chăng nữa thì mình vẫn phải lo kiếm cơm ngày hai bữa!

Những người tận dụng được tình hình lộn xộn để làm ăn thì không những không chờ mong gì một xã hội ổ định và phát triển quy củ mà còn ngược lại là đằng khác. Họ bảo cứ đẩy

cho cái bê bối phát triển đến cực độ là thiết thực góp phần tạo ra cái mới!

Một số trí thức, cán bộ thì bỗng nhiên sinh ra cao đạo , trở nên thoát tục , hướng về những giá trị vĩnh hằng của nhân loại , những siêu trí tuệ của quá khứ và tương laui, và rất lơ đãng với hiện tại, khinh bỉ tất cả. Nhưng họ chẳng có ai dại như Bá-Di - Thúc-Tề, họ đều tìm được nghĩa đời ở những thú vui tiêu khiển, hoặc ở tình yêu, hoặc ở những lợi ích thiết thực khác. Những anh em này tâm sự: Cái gì là quy luật đến kỳ đến hạn nó sẽ tới, hơi đâu mà cầm đèn chạy trước ôtô ? Mình có quyền thì mình cũng phải nghĩ mẹo để giữ quyền chứ khác gì người ta ? Nói trái ý người ta , người ta quy cho là phản động có phải khổ vợ khổ con mình không? Mọi sự trên đời ngẫm ra vô nghĩa cả, chỉ có chút tình người và những giây phút thanh nhàn là có nghĩa...

Phải nói rằng chủ nghĩa Hiện sinh Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới này cũng thấu tình đạt lý đấy chứ! Tôi cũng toan xé bài viết này đi, vì thấy: nghĩ gì, nói gì cũng đều vô nghĩa cả! Nhưng chợt nhìn vào những thứ mình đang ăn đang mặc hàng ngày, nhìn vào cuốn sách đang xem, tôi tự biết mình là kẻ đã được ăn chịu ở Quán Đời này quá nhiều, nếu thản nhiên rũ áo ra đi thì hóa ra thằng ăn quịt giữa buổi kinh tế thị trường ! Nên đành phải nói tiếp câu chuyện trần tục.

Trong cuốn Chìa khóa của tiến bộ kinh tế (Tài liệu tham khảo nội bộ, do Ủy ban khoa học và kinh tế nhà nước ấn hành năm 1989) tác giả PG Kousoulas, tiến sĩ Hy-lạp về quan hệ quốc tế, sau khi quan sát thế giới với con mắt khách quan khoa học đã có lời giải liên quan đến chính trường hợp của

chúng ta: Muốn nhân dân có hạnh phúc, xã hội phát triển thì chỉ có một con đường là công nghiệp hóa và kinh tế thị trường, mặc dù những phức tạp đi theo nó là không thể tránh khỏi, nhưng muốn làm được như thế thì buộc phải từ bỏ ý thức hệ độc tôn. Ông viết:

ý thức hệ độc tôn của thời đại chúng ta cam đoan rằng có thể giải quyết những tai họa về xã hội và kinh tế của thế giới bằng cách giao phó toàn bộ quyền hành vào tay một bộ phận tinh hoa nhất. Kinh nghiệm cho thấy một ý đồ như vậy đòi hỏi một sự hy sinh quyền tự do cá nhân và sự hy sinh nhiều sinh mạng con người. Bản thân những thành viên trong nhóm tinh hoa đó cũng không chắc đã thoát khỏi số phận đó. Mặt khác những hy sinh nặng nề do chế độ độc tôn áp đặt không phải tất yếu sẽ được đền bù bằng những lợi ích thiết thực đối với nhân dân. Trong khi đó kinh nghiệm của Mỹ đã chứng minh rằng những bất công xã hội có thể được đền bù, và những tiến bộ thực sự có thể được thực hiện trong khuôn khổ một xã hội tự do. (Sđd, tr. 139).

Người ta có thể nói thẳng ra rằng nhân dân Mỹ là người sở hữu thực sự của tài sản quốc gia (Sđd, tr. 102).

Một chế độ độc quyền không giới hạn có thể tác yêu tác quái thực sự đối với nền kinh tế của đất nước và biến thành kẻ bóc lột nhân dân (Sđd, tr. 81).

Điều quan trọng trước hết là phải làm sao tránh được cho cả dân tộc những đau khổ và mất nhân phẩm vì có một nhà nước độc tài. (Sđd, tr. 138).

ý kiến đề xuất nên đổi tên Đảng Cộng sản , đổi tên nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa không còn là riêng của Bùi-Tín

mà cũng được đưa ra ngay trong Nhóm nghiên cứu tư tưởng Hồ-Chí-Minh của Đảng. Ý kiến này còn nói: Tôi mạnh dạn nêu với các anh một ý nữa: nên khẳng định Đảng ta kiên trì tư tưởng Hồ-Chí-Minh, không nói Mác-Lênin! (vấn đề tư tưởng Hồ-Chí-Minh xin không bàn ở đây).

Nguyễn-Kiến-Giang sau khi trăn trở và tự khẳng định lương tri Cộng sản của mình, đã hình dung tiến trình từ bỏ Chủ nghĩa Xã hội sẽ xảy ra theo bốn bước tuần tự:

- Bước 1: Coi những tật xấu của Chủ nghĩa xã hội là những tàn dư của các chế độ cũ.
- Bước 2: Coi những tật xấu của Chủ nghĩa xã hội là hậu quả hư hỏng cá nhân của một số nhân vật lãnh đạo.
- Bước 3: Coi đó là sự phá sản của một mô hình sai lầm của Chủ nghĩa xã hội.
- Bước 4: Cuối cùng sẽ là sự từ bỏ Chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và từ bỏ Chủ nghĩa xã hội nói chung.

Tiến trình bốn bước ấy đã và đang tiếp diễn rất nhanh, thực tế đã gần xong giai đoạn ba rồi. Đó cũng là tiến trình cầm cự như trong chuyện Con rắn vuông thôi, còn trong nhận thức lý luận khoa học thật sự thì những kết luận đã có thể được rút ra trực tiếp ngay từ đầu, chứ đâu phải đợi để thực tiễn cưỡng chế từng bước như thế?

Nếu như nói về học thuyết tôi đã bộc lộ những suy tư phủ định, thì trái lại khi nói về Đảng tôi lại có những suy tư khẳng định. Người ta có thể còn bàn vcãi nhiều điều, nhưng không ai có thể phủ định ba điều sau đây:

- Ngay ở thời kỳ thành lập, Đảng đã thu hút được đông đảo những tinh hoa của dân tộc, những tinh hoa của chủ nghĩa

yêu nước Việt Nam.
- Người sáng lập và đứng đầu của Đảng, chủ tịch Hồ-Chí-Minh, là một nhà yêu nước lớn, một con người tiêu biểu cho tinh thần giải phóng dân tộc.
- Đảng đã có công tập hợp được sức mạnh truyền thống của dân tộc để tiến hành thắng lợi cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc khỏi ách xâm lược của ngoại bang, giành quyền Dân tộc tự quyết.
Vậy Đảng Cộng sản Việt Nam là một thực thể xã hội có giá trị lịch sử tự thân.
Vấn đề đặt ra là: Tại sao một thực thể có giá trị tự thân, xuất thân từ trong lòng dân tộc, lại nhất thiết phải gắn chặt số mệnh của mình với một giả thuyết ngoại lai mơ hồ, lủng củng trong lý luận, thất bại trong thực tiễn xây dựng xã hội, đã bị từ bỏ ngay tại quê hương của nó, và chẳng có mấy uy tín trong thế giới hiện nay?
Lịch sử hoạt động của Đảng chứng minh rằng điều gì Đảng tự suy nghĩ, xuất phát từ dân tộc, gắn với dân tộc thì thắng lợi, điều gì xuất phát từ lý thuyết ngoại lai về đấu tranh giai cấp và Chủ nghĩa xã hội thì không thắng lợi. Nhân dân ta biết rằng Đảng đã nhiều lần đem cái Tâm trong con người Việt Nam của mình để điều chỉnh bớt xu hướng cực đoan của ý thức hệ! Đã nhiều năm nay mối liên kết của Đảng với Chủ nghĩa không những không làm tăng mà còn làm giảm uy tín của Đảng. Lý luận Marx-Lénine rất có lợi trong việc động viên, tổ chức lực lượng đánh giặc, chống ngoại xâm, nhưng rất bất lợi trong việc hòa giải dân tộc, bất lợi trong việc xây dựng một xã hội dân chủ pháp trị và kinh tế thị

trường.

Tình trạng liên tục bị đô hộ về chính trị và bị nô dịch về tư tưởng từ trước tới nay đã làm cho con người Việt Nam chẳng những mất quyền làm chủ mà còn mất dần tính tự chủ, mất phong thái đàng hoàng của người chủ đất nước, mà biểu hiện quyết định nhất là khả năng ngồi lại với nhau, dẹp mối bất hòa để chung lo việc nước. Nếu không thực lòng thấm thía điều này thì hôm nay dẫu có tổ chức được mười Hội nghị Diên-Hồng cũng sẽ chỉ là Diên-Hồng giả! Chỉ cần ngồi lại được với nhau trong bầu không khí khoan dung cho nhau, lắng nghe nhau và tin cậy lẫn nhau, dân mình sẽ có thừa trí tuệ để tìm một giải pháp tối ưu cho đất nước. Và trong cuộc hòa giải này Đảng Cộng sản Việt Nam hiển nhiên là người có vai trò quyết định.

Từ bỏ một ý thức hệ độc tôn ngoại lai, không còn thích hợp với đất nước và thời đại là điều kiện thiết yếu để có thể xóa bỏ hận thù, góp sức chung lòng đưa đất nước phát triển, là điều kiện thuận lợi để hòa nhập vào thế giới chung, và chỉ có thế dân tộc mới có khả năng thoát khỏi sự o ép của tư bản nước ngoài. Từ những nhận thức khoa học đã trình bày ở các phần trên ta thấy rõ rằng chủ nghĩa ấy tất đẻ ra những quyền lực biêt phái, chuyên chính, kỳ thị ý thức hệ, không có khả năng thực hiện đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn xây dựng đất nước, không có khả năng xây dựng một xã hội dân chủ pháp trị lành mạnh. Cho nên trong giai đoạn lịch sử mới mẻ này, nếu có người nào cố chấp, cố tình đứng ra bảo vệ Chủ nghĩa ấy (sau khi đã có đủ thông tin), thì ai cũng hiểu rằng đó chỉ là sự mượn học thuyết ấy làm công cụ để

giữ quyền lực độc tôn và lợi ích riêng, và như vậy thì không thể là người yêu nước chân chính được. Chỉ có từ bỏ học thuyết ảo tưởng và cực đoan đó Đảng ta mới tìm lại được sức mạnh thực sự của mình trong lòng dân tộc, làm cho nước nhà yên ổn và phát triển. Đề nghị chân thành, nghiêm túc và có cơ sở khoa học ấy không có chút gì chung với thái độ thù hận của những kẻ phản quốc không hối cải, không có gì chung với thái độ sùng bái Tư bản nước ngoài, quỳ mọp trước túi tiền nước ngoài, hoặc muốn có một xã hội lộn xộn để đục nước béo cò .

Tóm lại, Đảng có thể hoàn toàn trở về trong lòng dân tộc mà không cần dựa vào một chủ nghĩa tiên định nào cả. Tình hình thế giới ngày nay đã cho phép điều đó, nếu Đảng vẫn giữ được sức sống như Đảng mà Chủ tịch Hồ-Chí-Minh đã sáng lập. Song chất lượng Đảng hiện nay, theo nhận định của đồng chí Lê-Phước-Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tổ chức Trung ương thì: Bộ phận nòng cốt (trung kiên) của Đảng hình thành trong hai cuộc kháng chiến dần bị rời rã... Số khá đông cán bộ Đảng, nhất là cán bộ quan trọng ngày càng tỏ ra cơ hội, bè phái, tham nhũng, vét gấp..., bệnh dân chủ hình thức đi đôi với thói xấu trấn áp dư luận quần chúng và trả thù những người nói thẳng bằng những thủ đoạn ám muội. Cán bộ dảng viên thoái hóa biến chất tăng lên đến mức độ hầu như khó lòng mà ngăn chặn được. Những đồng chí đã được thử thách, có trình độ chính trị vững vàng, có kiến thức và kinh nghiệm phong phú, có đạo đức trong sáng, chỉ vì không đồng tình với những sai lầm mà đã bị (bọn bè phái) nhanh chóng tháo gỡ và đã bị vô hiệu hóa bằng nhiều

thủ đoạn ma giáo... Tóm lại, Đảng ta đang suy yếu nghiêm trọng và chưa bao giờ suy yếu như hiện nay. (Trích từ lời phát biểu của đồng chí Lê-Phước-Thọ, tháng 6, 1992).

Nhận định ấy khá sát với thực tế và sát với nhận định của dân chúng. Người dân không thể không tự hỏi: Vậy những dảng viên trung kiên, chân chính có coi Đảng hiện nay là đại hiện chân chính của mình hay không?

Người có tư duy bình thường nào cũng phải liên hệ tình hình ấy với tình hình của thế giới Cộng sản và nhận ra rằng sự sa sút của các Đảng đều bắt nguồn từ sai lầm của học thuyết mà Đảng trung thành, nên một đội ngũ xưa là tinh hoa của dân tộc mà nay trở nên suy yếu nghiêm trọng như thế. Từ bỏ học thuyết ấy hiển nhiên là điều kiện tiên quyết để Đảng có thể tự chỉnh đốn và hồi phục sức sống. Nhưng ở tình trạng đã sa sút như hiện nay thì một điều kiện ấy chưa đủ. Phải tiếp sức sống cho Đảng bằng sức sống vô tận từ trong cộng đồng dân tộc. Muốn vậy chỉ có cách là Đảng phải giã từ với kiểu dân chủ hình thức cố hữu của mình mà đồng chí Lê-Phước-Thọ đã phê phán, để tiêp tận được với nguồn sống bên ngoài Đảng, trước hêt sửa đổ cách tiến hành bầu cử hình thức và vi hiền hiện nay (dân không được bầu trực tiếp như hiến pháp quy định, mà bầu sau hai ba vòng thanh lọc bởi các ban địa phươnh không do dân bầu) và thực hiện quyền tự do báo chí, tự do tư tưởng (mà biểu hiện đầu tiên dễ thấy là sự chấp nhận có ý kiến đối lập). Đấy là bước đầu tiên, nhưng cũng là rào cản khó vượt qua nhất mà lịch sử và Tạo hóa đã dựng ra để thử thách tầm của dân tộc, là chìa khóa mở tấm cửa ngăn khu chợ trời với tòa nhà văn minh.

Chìa khóa thì không ăn được, và phải vất vả nữa mới có, còn những thứ ăn ngay được mà ta đang khao khát và chiếc ghế mềm hạng bét mà ta có thể khoan khoái ngả lưng thì đã bày sẵn trước mặt, sa vào đó rồi thì không bao giờ kiếm lại được chiếc chìa khóa kia đâu! Có hạnh phúc nào lại nhanh, nhiều, tốt, rẻ bao giờ?

Có người lo sợ: Bỏ chủ nghĩa thì loạn ngay! Điều ấy chỉ đúng với những dân tộc không thể tự chủ, không biết mình đã bị lưu manh hóa, không có nhu cầu tự thắng mình để thoát khỏi lưu manh! Một dân tộc như thế thì rõ ràng chỉ đáng làm nô lệ!

Nhưng một dân tộc đã biết nêu cao chân lý: Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do thì dân tộc ấy nhất định phải tìm được cách để đến với Độc lập và Tự do đích thực. Trong thế giới hôm nay chúng ta hiểu rõ rằng: Đánh đuổi hết ngoại xâm rồi chưa chắc đã có Độc lập thực sự, nước đã có Độc lập (...) rồi chưa chắc dân đã có Tự do. Một dân tộc biết chết cho Độc lập chưa chắc đã biết sống cho Tự do. Chủ tịch Hồ-Chí-Minh chẳng những lo nạn ngoại xâm mà còn lo nạn nội xâm cho dân nữa (nội xâm là chữ dùng của Hồ Chủ tịch) nên đã nói: Nếu nước Độc lập mà dân không hưởng Hạnh phúc Tự do thì Độc lập cũng không có nghĩa lý gì! Bọn Khmer đỏ tàn sát hàng triệu đồng bào của chúng cũng vẫn trong khuôn khổ một nước Độc lập, có quyền Dân tộc tự quyết đấy chứ! Mặt khác chúng ta cũng biết rằng Tự do tản mạn và Tự do vô chính phủ chính là mảnh đất tốt cho sự Độc tài nên thường được Độc tài nuôi dưỡng để vô hiệu hóa Tự do chân chính.

Năm 1946, từ dân một nước nô lệ (một tờ đơn xin giấy

thông hành của người dân mù chữ cũng phải nhờ viết bằng tiếng nước ngoài) chúng ta đã xúc động biết bao khi được viết lên đầu trang giấy:
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc
(Dân tộc) (Dân quyền) (Dân sinh)
Đó là mục tiêu của một dân tộc đã đứng lên đòi quyền sống, cái mục tiêu khiêm tốn, bình dị, dễ thương nhưng cũng đủ để cả một dân tộc phấn đấu trong vài thế kỷ. Còn chủ nghĩa Marx-Lénine ngay từ đầu đã được Nguyễn-Ái-Quốc coi là con đường , là phương tiện, là cái cần thiết cho chúng ta thì nó không thể quý hơn chính chúng ta được!
Đảng đã đưa Dân tộc sang bờ Độc lập và đang cùng Dân tộc dấn bước trên con đường đến Tự do, Hạnh phúc. Đường đi có cả loài người, đâu phải một mình ta. Những quy luật tiến hóa là chung cho cả Thế giới, những thành tựu của nền văn minh chung, đặc biệt là về tổ chức xã hội, đã bày ra ai cũng thấy rõ, bài học cay đắng của chủ nghĩa biệt phái chẳng phải đang còn nóng hổi đó sao? Tổ quốc Việt Nam là chung của mọi người Việt Nam, không một lực lượng chính trị nào có thể độc quyền yêu Tổ quốc.
Ta biết ơn chiếc thuyền nan đã đưa ta qua sông, nhưng sang bờ rồi mà cứ cắm cúi mang chiếc thuyền mác-xít chỉ huy trên lưng như cái mai rùa thì tránh sao khỏi bị người ngoài đàm tiếu và người thân nghi ngờ rằng có sự che đậy hoặc cất giấu cái gì trong đó? Cái hành trang khác người ấy quả thực không còn ích lợi gì cho Dân tộc, có chút bỏ được mới mong tự giải thoát, để được lâng lâng nhẹ nhàng, rảo bước

cho kịp bạn bè trên đường thiên lý...
Những ngày tháng 5 năm 1993
Hà-Sĩ-Phu

Nơi gửi:
- Tạp chí Cộng sản
- Viện Marx-Lénine
- Trường Nguyễn-A i-Quốc
- Những bạn bè quan tâm đế vấn đề lý luận

Nguồn: http://vnthuquan.net
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.

Nguồn: Mõ Hà nội
Được bạn: Thành Viên VNthuquan đưa lên
vào ngày: 27 tháng 12 năm 2003